CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 546 / CBTT - MĐCB	Cao Bằng, ngày 28 tháng 10 năm 2022
V/v: Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.	

Kính gửi: **- Ủy ban chứng khoán Nhà nước**

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Mã chứng khoán: CBS

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Tà Lùng - huyện Quảng Hòa - tỉnh Cao Bằng

Điện thoại liên hệ: 0206 3 824121 Số Fax: 0206 3 824113

E-mail: caobangsugar@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nông Văn Thuyết

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Điện thoại di động: 0914523666

Loại thông tin công bố: ☑ 24h ☐ yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ

II. Nội dung thông tin công bố:

Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng, họp vào ngày 28/10/2022.

1. Biên bản số 544/2022/BB-ĐHĐCĐTN ngày 28/10/2022.
2. Nghị quyết số 545/2021/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 28/10/2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/10/2022 tại đường dẫn http://www.miaduongcaobang.vn

Chúng tôi cam kết, thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận :
- Như kính gửi;
- Đăng website;
- Lưu Vt.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Date: 2022.10.28 16:23:32 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 544 /2022/BB - ĐHĐCĐTN	*Cao Bằng, ngày 28 tháng 10 năm 2022*

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.*

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 28 tháng 10 năm 2022. Tại trụ sở Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng, địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng đã được tổ chức theo hình thức trực tiếp.

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
- Địa chỉ trụ sở chính : Tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
- Điện thoại : 0206 3 824121 - Email: caobangsugar@gmail.com
- Mã chứng khoán : CBS
- Giấy ĐKKD số : 4800104012 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 14/03/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/04/2021.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Hội đồng quản trị (HĐQT): 5/5 thành viên HĐQT dự họp, bao gồm:

- Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT
- Ông Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc
- Ông Nông Văn Lạc	Thành viên HĐQT

- Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT
- Ông Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT

2. Ban Kiểm soát (BKS) : 3/3 thành viên BKS dự họp, bao gồm:

- Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng BKS
- Ông Trương Minh Đức	Thành viên BKS
- Ông Đinh Bế Đính	Thành viên BKS

III. TIẾN TRÌNH ĐẠI HỘI

PHẦN I
KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Ông Đinh Bế Đính - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông , thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể như sau:

- Tổng số cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) chốt tại thời điểm cuối ngày 05/10/2022 là 538 cổ đông, sở hữu 3.527.925 cổ phần.

- Đến thời điểm 08 giờ 30 phút ngày 28 tháng 10 năm 2022. Tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền là 75 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 2.441.451 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 70,3009% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Đối chiếu với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng đủ điều kiện tiến hành tổ chức đại hội.

2. Ông Nông Văn Thuyết - Chủ tịch HĐQT trình bày diễn văn khai mạc Đại hội.

3. Ông Nông Văn Thuyết - Trưởng ban tổ chức, giới thiệu Nhân sự của Đại hội trình Đại hội quyết định như sau:

* Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội, gồm:

- Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	Chủ tọa đoàn
- Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch HĐQT/ TGĐ	Thành viên
- Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban kiểm soát	Thành viên

* Ban thư ký Đại hội, gồm:

- Ông Nông Văn Trình	Phó Phòng nguyên liệu	Trưởng ban
- Bà Đàm Thị Loan	Kế toán viên	Thành viên

* Ban kiểm phiếu, gồm:

- Ông Luân Thế Hiển	Nhân viên Phòng nguyên liệu	Trưởng ban kiểm phiếu
- Bà Đàm Thị Huyền	Nhân viên Phòng TCKT	Thành viên

Đại hội biểu quyết thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ biểu quyết tán thành ...% trên tổng số phiếu dự họp và biểu quyết.

4. Ông Nông Văn Thuyết thay mặt Ban tổ chức trình bày và xin ý kiến thông qua Chương trình Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% trên tổng số phiếu dự họp và biểu quyết.

5. Bà Hoàng Thị Quyết thay mặt Ban tổ chức thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% trên tổng số phiếu dự họp và biểu quyết.

PHẦN II

TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUAN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

I. Ông Nông Văn Thuyết - Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT Công ty Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT niên vụ 2021-2022 và Phương hướng niệm vụ niên vụ 2022-2023.

(Thông tin chi tiết được đăng tải trong mục Tài liệu ĐHĐCĐTN năm 2022 trên Website của Công ty).

II. Ông Ma Trung Lập - Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc, thay mặt Ban Tổng giám đốc Công ty Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2021-2022 và Mục tiêu kế hoạch niên độ tài chính 2022-2023.

(Thông tin chi tiết được đăng tải trong mục Tài liệu ĐHĐCĐTN năm 2022 trên Website của Công ty).

III. Bà Hoàng Thị Quyết - Trưởng Ban kiểm soát, thay mặt ban kiểm soát Công ty Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát niên độ tài chính 2021-2022 và Phương hướng hoạt động của Ban kiểm toán niên độ tài chính 2022-2023.

(Thông tin chi tiết được đăng tải trong mục Tài liệu ĐHĐCĐTN năm 2022 trên Website của Công ty).

IV. Bà Mã Thị Quyết - Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng, thay mặt HĐQT thông qua Báo cáo tài chính niên độ tài chính 2021-2022 đã được kiểm toán với số liệu như sau tóm tắt:

* Kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021-2022:

- Tổng thu *(gồm: Doanh thu thuần, doanh thu tài chính, thu nhập khác)*	: 254.841.135.451	đồng
- Tổng chi phí *(gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàn, chi phí quản lý DN, chi phí khác).*	: 192.380.961.515	đồng
- Lợi nhuận trước thuế TNDN	: 62.460.173.936	đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 49.938.962.349	đồng
- Lãi cơ bản / cổ phiếu	: 14.155	đồng

* Tài sản, nguồn vốn (Bảng cân đối kế toán) năm tài chính 2021-2022:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 30/06/2021
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**227.605.883.351**	**166.765.000.484**
A- Tài sản ngắn hạn	166.682.159.057	106.747.086.394
B - Tài sản dài hạn	60.923.724.294	60.017.914.090
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**227.605.883.351**	**166.765.000.484**
C- Nợ phải trả	64.261.194.248	48.556.123.167
D- Vốn chủ sở hữu	163.344.689.103	118.208.877.317

V. Bà Mã Thị Quyết - Thành viên HĐQT, thay mặt HĐQT đọc nội dung các tờ trình, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua, gồm:

1. Tờ trình thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát niên độ tài chính 2021-2022; Kế hoạch hoạt động trong niên độ tài chính 2022-2023.

2. Tờ tình thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động SXKD niên độ tài chính 2021-2022 và Kế hoạch SXKD niên độ tài chính 2022-2023.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch NĐTC 2021-2022	Thực hiện NĐTC 2021-2022	TH/KH (%)
1	Sản lượng mía nguyên liệu	Tấn	134,648	161,694	120.09

2	Sản lượng đường sản xuất hoàn thành	Tấn	14,961	17,036	113.87
3	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	15,150	13,732	90.64
4	Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	Tấn	5,610	7,331	130.68
5	Sản lượng bã bùn tiêu thụ	Tấn	3,366	5,467	162.42
6	Tổng doanh thu	Tr. đồng	217,757	240,578	110.48
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	26,683	62,460	234.08
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	21,346	49,939	233.95
9	Tỷ lệ chia cổ tức	Tr. đồng	20	80	400.00

3. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính niên độ tài chính 2021-2022 đã được kiểm toán.

4. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2021-2022; Kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2022-2023.

4.1. Phương án phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2021-2022:

* Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		**62,460,173,936**
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		**12,521,211,587**
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN		**49,938,962,349**
4. Phân phối lợi nhuận		**23,019,367,530**
4.1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5%/LNST	2,496,948,117
4.2. Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	6%/LNST	2,996,337,741
4.3. Quỹ thưởng Ban điều hành quản lý công ty	1%/LNST	499,389,623
4.4. Lợi nhuận để chia cổ tức		17,026,692,049
5. Lợi nhuận chưa phân phối		**26,919,594,819**

* Chia cổ tức niên độ tài chính 2021-2022:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận chia cổ tức:	80%/VĐL	**28,223,400,000**
1.1. Lợi nhuận năm TC 2020-2021 chuyển sang		11,196,707,951
1.2. Lợi nhuận năm TC 2021-2022		17,026,692,049
2. Hình thức chia cổ tức:		**28,223,400,000**
2.1. Bằng tiền mặt	30%/VĐL	10,583,775,000
2.2. Bằng cổ phiếu	50%/VĐL	17,639,625,000

4.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm tài chính 2022-2023:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		**37,176,982,000**
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	20%/LNTT	**7,435,396,000**
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN		**29,741,586,000**
4. Phân phối lợi nhuận		**14,152,765,320**
4.1. Quỹ đầu tư phát triển		
4.2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5%/LNST	1,487,079,300
4.3. Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	6%/LNST	1,784,495,160
4.4. Quỹ thưởng ban điều hành quản lý công ty	1%/LNST	297,415,860
4.5. Lợi nhuận chia cổ tức	20%/VĐL	10,583,775,000

5. Tờ trình thông qua thù lao của HĐQT, BKS niên độ tài chính 2020-2021 và Kế hoạch thù lao 2021-2022, cụ thể:

5.1. Quyết toán chi phí thù lao cho thành viên HĐQT, BKS trong năm tài chính 2021-2022 (từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2022) với số tiền là: 1.060.056.000đồng. *(Số tiền bằng chữ: Một tỷ không trăm sáu mươi triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).*

5.2. Kế hoạch chi trả thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT, BKS trong năm tài chính 2021-2022 (từ tháng 7/2022 đến hết tháng 6/2023):

- Tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS có kiêm nhiệm chức danh quản lý công ty, Ban tổng giám đốc Công ty được chi trả theo Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng vụ ép 2022 - 2023 của Công ty.

- Tiền phụ cấp cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS được chi trả theo hệ số như sau:

+ Đối với thành viên HĐQT:

Chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 9.66/ tháng.

Phó chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,485/ tháng.

Thường trực HĐQT hệ số phụ cấp là 1,375/ tháng.

Thành viên khác HĐQT hệ số hụ cấp là 1,265/ người/ tháng.

+ Dối với thành viên BKS:

Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số là 6,6/ tháng.

Thành viên BKS hệ số phụ cấp là 0,66/ người/ tháng.

Mức tiền lương tối thiểu làm căn cứ tính phụ cấp: Theo mức tiền lương tối thiểu Công ty áp dụng để tính lương cho vụ ép 2022 - 2023.

- Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT và BKS khi thực hiện chức năng nhiệm vụ được chi trả theo thực tế.

- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty, xây dựng và ban hành Quy chế trả thưởng cho các thành viên ban điều hành quản lý đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

6. Tờ trình thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính Niên độ tài chính 2021-2022 (từ ngày 01/07/2022 đến hết ngày 30/06/2023).

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty, lựa chọn Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố hàng năm. Đồng thời phải đảm bảo có đủ uy tín , năng lực, kinh nghiệm đáp ứng dược yêu cầu của Công ty.

7. Tờ trình thông qua việc cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng là Ông Nông Văn Sơn nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu Công ty.

PHẦN III
THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Ông Nông Văn Thuyết - Chủ tịch HĐQT, thay mặt Đoàn chủ tịch Đại hội điều hành chương trình thảo luận.

I. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội

1. Cổ đông Vũ Huy Toàn:

Câu hỏi 1: Câu hỏi về vùng nguyên liệu, cạnh tranh với các loại cây trồng khác, như cây cỏ cho nhà máy sữa, cây sắn. Câu hỏi về hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân (chi phí phân bón) khi trồng mía so với các cây trồng khác.

Câu hỏi 2: Nguồn lợi nhuận tích lũy tốt qua các năm sẽ được sử dụng như thế nào. Công ty có đầu tư, mua lại cổ phiếu công ty hay không, có đẩy mạnh doanh thu tài chính hay không.

Câu hỏi 3: Đề xuất ban lãnh đạo xem xét việc công bố báo cáo kết quả kinh doanh theo quý để nâng cao lợi ích cho cổ đông.

Câu hỏi 4: Thị trường tài chính thiếu thanh khoản, phát sinh cơ hội cho doanh nghiệp có nhiều tiền mặt. Cổ đông mong đợi ban lãnh đạo công ty xem xét việc mua tài sản khi giá đang rẻ, có thể kỳ vọng lợi ích lâu dài cho Công ty.

2. Cổ đông Thanh Anh:

Câu hỏi 1: Việc tận dụng nguồn vốn là thời cơ do các tài sản đang rẻ trong khi cơ hội trong các năm tới sẽ có. Ban lãnh đạo cần tính toán mở thêm các ngành nghề kinh doanh khác để tận dụng lợi thế về vùng nguyên liệu và điều kiện về giá đường, đặc biệt là tinh bột sắn. Đề nghị ban lãnh đạo nghiên cứu thêm về vấn đề này.

Câu hỏi 2: Linh hoạt để nhà đầu tư tiếp cận thêm thông tin, cần đưa thông tin thường xuyên để thu hút thêm nhà đầu tư. Củng cố trang web, đưa thêm thông tin, quảng bá hình ảnh.

3. Cổ đông Nông Văn Lạc:

Việc đầu tư dàn trải qua các kênh, mở rộng sản xuất tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với Công ty. Ban lãnh đạo nên tập trung đẩy mạnh vào ngành nghề cốt lõi là mía đường.

II. Trả lời các ý kiến của Cổ đông

Việc cạnh tranh với các cây trồng khác là đã có. Từ 2020, chính sách tỉnh thu hút đầu tư, Tập đoàn TH đầu tư chế biến sữa công nghệ cao tại vùng nguyên liệu của CBS. Tiến độ dự án đã đến san lấp mặt bằng nhưng tính khả thi vẫn chưa rõ ràng, dù vẫn gây ra biến động tâm lý cho bà con. Sau một quy trình trồng mía phải có cây trồng lâm canh, luân chuyển cây trồng khác để cải tạo đất. Đối với cây sắn không có nhà máy chế biến tại địa phương nên giá chưa ổn định. Chính sách quy hoạch của chính quyền địa phương vẫn tập trùng vào cây mía.

Đối với cây mía, CBS đang có chính sách đầu tư mạnh phục hồi cùng nguyên liệu với diện tích khoảng 2600 – 3000 ha. Điều kiện kinh doanh được cải thiện, giá đường nội địa được thiết lập, từng bước nâng giá mía lên, nâng cao giá trị kinh tế cho người dân trồng mía. Đầu tư, cải tạo bộ giống có năng suất cao, nâng cao hiệu quả kinh tế cho bà con trồng mía. Ban lãnh đạo tin tưởng đối với các chính sách sẽ làm bà con tin tưởng.

Đối với cây mía, sau khi thu hoạch Công ty còn thu mua lá mía. Đối với vùng nguyên liệu thì dư địa mở rộng vẫn còn.

Đối với việc sử dụng nguồn vốn vào các kênh đầu tư khác: nguồn vốn chủ yếu hiện là vốn vay ngân hàng. Nguồn tiền mặt sau 2 năm kết quả kinh doanh thuận lợi là dồi dào. Tuy nhiển để đảm bảo an toàn, ban lãnh đạo chưa tính đến đầu tư kênh khác mà chỉ gửi tiết kiệm ngân hàng. Hiện tài sản đảm bảo để thế chấp không còn nhiều, các năm sau nếu khấu hao thì không đủ vay, cần đảm bảo nguồn tiền mặt để quay vòng. Rủi ro sẽ có khi đầu tư vào các kênh có thanh khoản không cao.

Việc xem xét công bố báo cáo tài chính quý: CBS đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ báo cáo, tuy nhiên sẽ xem xét thêm việc công bố thêm báo cáo quý.

Về việc mua tài sản, ban lãnh đạo sẽ nghiêm túc xem xét vấn đề này trong thời gian tới.

PHẦN IV
KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG TRÌNH ĐẠI HỘI

Ông Luân Thế Hiển thay mặt Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách thức biểu quyết và bỏ phiếu thông qua các nội dung đã được trình bày tại Đại hội.

Vào hồi 12 giờ 30 phút, thời gian bỏ phiếu biểu quyết kết thúc. Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu như sau:

Số lượng Cổ đông tham gia và ủy quyền là **77** cổ đông, đại diện cho **2.482.957** cổ phần, chiếm **70,3801%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

Kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: **77** phiếu, đại diện cho **2.482.957** cổ phần, chiếm **100 %** tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu biểu quyết thu về: **77** phiếu, đại diện cho **2.482.957** cổ phần, chiếm **100 %** tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu biểu quyết không thu về: 0 phiếu, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm .0% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tỷ lệ biểu quyết các nội dung trình Đại hội (tính trên tổng số phiếu biểu quyết thu về) như sau:

1. Vấn đề 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị niên độ tài chính 2021-2022; Kế hoạch hoạt động trong niên độ tài chính 2022-2023:

1. Tổng số phiếu hợp lệ		đại diện 2.482.957 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu tán thành		đại diện 2.482.957 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết

Như vậy, vấn đề 1 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

2. Vấn đề 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát niên độ tài chính 2021 – 2022 và Kế hoạch hoạt động của BKS trong năm tài chính 2022 - 2023:

1. Tổng số phiếu hợp lệ		đại diện 2.482.957 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu tán thành		đại diện 2.482.957 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết

Như vậy, vấn đề 2 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

3. Vấn đề 3: Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động SXKD niên độ tài chính 2021-2022 và Kế hoạch SXKD niên độ tài chính 2021-2022:

1. Tổng số phiếu hợp lệ		đại diện 2.482.957 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu tán thành		đại diện 2.482.957 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết

Như vậy, vấn đề 3 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

4. Vấn đề 4: Thông qua Báo cáo tài chính niên độ tài chính 2021-2022 đã được kiểm toán:

1. Tổng số phiếu hợp lệ		đại diện 2.482.957 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu tán thành		đại diện 2.481.150 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9272% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến		đại diện 1.807 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0728 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết

Như vậy, vấn đề 4 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9272%

5. Vấn đề 5: Thông qua chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ 2021 - 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2022 – 2023

1. Tổng số phiếu hợp lệ		đại diện 2.479.569 phiếu biểu quyết, chiếm 99,8635% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu tán thành		đại diện 2.479.569 phiếu biểu quyết, chiếm 99,8635% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ		đại diện 3.388 phiếu biểu quyết, chiếm 0,1364% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết

Như vậy, vấn đề 5 đã được thông qua với tỷ lệ 99,8635%

6. Vấn đề 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2021-2022; Kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2022-2023:

1. Tổng số phiếu hợp lệ		đại diện 2.482.957 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu tán thành		đại diện 2.482.957 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết

Như vậy, vấn đề 6 đã được thông qua với tỷ lệ 100%

7. Vấn đề 7: Thông qua thù lao của HĐQT, BKS niên độ tài chính 2021-2022 và Kế hoạch thù lao 2022-2023:

1. Tổng số phiếu hợp lệ		đại diện 2.479.569 phiếu biểu quyết, chiếm 99,8635% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu tán thành		đại diện 2.477.762 phiếu biểu quyết, chiếm 99,7908% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số

		phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến		đại diện 1.807 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0728% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ		đại diện 3.388 phiếu biểu quyết, chiếm 0,1364% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết

Như vậy, vấn đề 7 đã được thông qua với tỷ lệ 99,7908%

8. Vấn đề 8: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính Niên độ tài chính 2022 - 2023 (từ ngày 01/07/2022 đến hết ngày 30/06/2023):

1. Tổng số phiếu hợp lệ		đại diện 2.479.569 phiếu biểu quyết, chiếm 99,8635% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu tán thành		đại diện 2.479.569 phiếu biểu quyết, chiếm 99,8635% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ		đại diện 3.388 phiếu biểu quyết, chiếm 0,1364% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết

Như vậy, vấn đề 8 đã được thông qua với tỷ lệ 99,8635%

9. Vấn đề 9: Thông qua việc cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng là Ông Nông Văn Sơn nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu Công ty:

Các cổ đông có quyền lợi liên quan đến việc cổ đông hiện hữu của CTCP Mía đường Cao Bằng là ông Nông Văn Sơn nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (theo tờ trình số 516/2022/TTr-HĐQT) năm 2022 đến tham dự đại hội bao gồm:

TT	Tên cổ đông có liên quan tham dự	Mối quan hệ với bên nhận chuyển nhượng	Số lượng phiếu biểu quyết đại diện	Số lượng phiếu biểu quyết không có quyền biểu quyết	Số lượng phiếu biểu quyết có quyền

					biểu quyết
1	Nông Văn Sơn	Bên nhận chuyển nhượng	832.200	832.200	0
2	Nông Văn Lạc	Bố/Bên chuyển nhượng	801.419	801.419	0
3	Nông Thị Hoa	Mẹ	21.949	21.949	0
4	Nông Thị Thu Hà	Chị gái	19.132	19.132	0
5	Nông Văn Ba	Chú/Em ông Nông Văn Lạc	5.762	5.762	0
Tổng cộng			**1.680.462**	**1.680.462**	**0**

Các cổ đông nêu trên đã được xác định trước và không có quyền biểu quyết đối với vấn đề 9 (theo quy định tại Điều 84, Nghị định 155/2020/NĐ-CP). Như vậy, tổng số phiếu có quyền biểu quyết tham dự họp đối với vấn đề 9 là: **802.495** phiếu biểu quyết

1. Tổng số phiếu hợp lệ		đại diện 802.495 phiếu biểu quyết, chiếm 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu tán thành		đại diện 800.688 phiếu biểu quyết, chiếm 99,7748% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến		đại diện 1.807 phiếu biểu quyết, chiếm 0,2252 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ		đại diện 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và biểu quyết

Như vậy, vấn đề 9 đã được thông qua với tỷ lệ 99,7748%

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ủy quyền, giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

PHẦN V
THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Ông Nông Văn Trình thay mặt Ban thư ký trình bày Dự thảo Biên bản và Dự thảo Nghị quyết của Đại hội.

2. Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội Nghị quyết Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% trên tổng số phiếu dự họp và biểu quyết.

3. Ông Nông Văn Thuyết - Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa cuộc họp đọc diễn văn bế mạc Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng được kết thúc vào hồi ..13..giờ ..0...phút ngày 28 tháng 10 năm 2022./.

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI		**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**
Trưởng ban	**Thành viên**	**Chủ tọa đoàn**
Nông Văn Trình	Đàm Thị Loan	CHỦ TỊCH HĐQT Nông Văn Thuyết

Nơi nhận:
- *UBCKNN ;*
- *Sở GDCK Hà Nội;*
- *HĐQT, BTGĐ, BKS (th. hiện);*
- *Website;*
- *Lưu VT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 545 /2022/NQ-ĐHĐCĐTN	*Cao Bằng, ngày 28 tháng 10 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28/10/2022 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Sau thời gian làm việc khẩn trương với tinh thần trách nhiệm, thẳng thắn và hiệu quả. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng đã thống nhất:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021-2022; Mục tiêu, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính 2022-2023 *(Báo cáo số 507/BC-MĐ ngày 06/10/2022).*

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm tài chính 2021-2022; Phương hướng hoạt động trong năm tài chính 2022-2023 *(Báo cáo số 508/BC-MĐ ngày 06/10/2022).*

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2021-2022; Kế hoạch hoạt động trong năm tài chính 2022-2023*(Báo cáo số 509/BC-MĐ ngày 06/10/2022).*

4. Báo cáo tài chính năm tài chính 2021-2022 đã được kiểm toán.

* Kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021-2022:

- Tổng thu *(gồm: Doanh thu thuần, doanh thu tài chính, thu nhập khác)*	:	254.841.135.451 đồng
- Tổng chi phí *(gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàn, chi phí quản lý DN, chi phí khác)*	:	192.380.961.515 đồng

- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 62.460.173.936 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 49.938.962.349 đồng
- Lãi cơ bản / cổ phiếu : 14.155 đồng

* Tài sản, nguồn vốn (Bảng cân đối kế toán) năm tài chính 2021 - 2022:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 30/06/2021
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**227.605.883.351**	**166.765.000.484**
A- Tài sản ngắn hạn	166.682.159.057	106.747.086.394
B - Tài sản dài hạn	60.923.724.294	60.017.914.090
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**227.605.883.351**	**166.765.000.484**
C- Nợ phải trả	64.261.194.248	48.556.123.167
D- Vốn chủ sở hữu	163.344.689.103	118.208.877.317

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2021-2022

* Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm TC 2021-2022 : 49.938.962.349 đồng
- Phân phối lợi nhuận : 23.019.367.530 đồng
  + *Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (= 5%/LNST)* : *2.496.948.117 đồng*
  + *Trích quỹ phát triển VNL mía (= 6%/LNST)* : *2.996.337.741 đồng*
  + *Trích quỹ thưởng BĐH quản lý công ty (=1%/LNST)* : *499.389.623 đồng*
  + *Lợi nhuận để chia cổ tức* : *17.026.692.049 đồng*
- Lợi nhuận chưa phân phối : 26.919.594.819 đồng

* Chia cổ tức niên độ tài chính 2021-2022:

- Lợi nhuận chia cổ tức (= 80%/VĐL) : **28.223.400.000** đồng
  + *Lợi nhuận chưa chia cổ tức năm trước chuyển sang* : *11.196.707.951 đồng*
  + *Lợi nhuận để chia cổ tức của năm TC 2021-2022* : *17.026.692.049 đồng*
- Chia cổ tức bằng tiền mặt (= 30%/VĐL) : **10.583.775.000** đồng
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (= 50%/VĐL) : **17.639.625.000** đồng

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty xem xét quyết định thời điểm và thủ tục chia cổ tức bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu theo đúng quy định.

6. Quyết toán chi phí thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm tài chính 2021-2022; Kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm tài chính 2022-2023.

6.1. Quyết toán chi phí thù lao cho thành viên HĐQT, BKS trong năm tài chính 2021-2022 (từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2022) với số tiền là: 1.060.056.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ không trăm sáu mươi triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).*

Trong đó:

- Chi phí tiền lương theo chức danh quản lý: 942.936.000 đồng
- Phụ cấp thành viên HĐQT, BKS : 117.120.000 đồng

6.2. Kế hoạch chi trả thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT, BKS trong năm tài chính 2022-2023 (từ tháng 7/2022 đến hết tháng 6/2023):

- Tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS có kiêm nhiệm chức danh quản lý công ty, Ban tổng giám đốc Công ty được chi trả theo Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng vụ ép 2022 - 2023 của Công ty.

- Tiền phụ cấp cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS được chi trả theo hệ số như sau:

+ Đối với thành viên HĐQT:

Chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách, hệ số lương là 9,66/ tháng;

Phó chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,485/ tháng;

Thường trực HĐQT hệ số phụ cấp là 1,375/ tháng;

Thành viên khác HĐQT hệ số hụ cấp là 1,265/ người/ tháng.

+ Đối với thành viên BKS:

Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số là 6,6/ tháng;

Thành viên BKS hệ số phụ cấp là 0,66/ người/ tháng.

Mức tiền lương tối thiểu làm căn cứ tính phụ cấp: Theo mức tiền lương tối thiểu Công ty áp dụng để tính lương cho vụ ép 2022 - 2023.

- Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT và BKS khi thực hiện chức năng nhiệm vụ được chi trả theo thực tế.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xây dựng và ban hành Quy chế trả thưởng cho các thành viên ban điều hành quản lý đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2022-2023 *(từ tháng 07/2022 đến hết tháng 06/2023):*

1. Sản lượng mía ép	:	**146.000**	Tấn
2. Sản lượng đường SX hoàn thành nhập kho	:	15.368	Tấn
3. Sản lượng đường tiêu thụ	:	15.500	Tấn
3. Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	:	5.800	Tấn
4. Sản lượng phân hữu cơ tiêu thụ	:	3.600	Tấn
5. Tổng doanh thu sản phẩm chính	:	**256.310**	Triệu đồng
6. Lợi nhuận trước từ hoạt động SXKD	:	**37.177**	Triệu đồng
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	:	**29.741**	Triệu đồng
8. Tỷ lệ chia cổ tức	:	**20**	%/VĐL

8. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm tài chính 2022-2023 *(từ tháng 07/2022 đến hết tháng 06/2023):*

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm TC 2022-2023	:	29.741.586.000	đồng
- Phân phối lợi nhuận	:	14.152.765.320	đồng
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (= 5%/LNST)	:	*1.487.079.300*	*đồng*
+ Trích quỹ phát triển VNL mía (= 6%/LNST)	:	*1.784.495.160*	*đồng*
+ Trích quỹ thưởng BĐH quản lý công ty (= 1%/LNST)	:	*297.415.860*	*đồng*
+ Lợi nhuận dùng để chia cổ tức (= 20%/VĐL)	:	*10.583.775.000*	*đồng*

9. Kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2022-2023 (từ ngày 01/07/2022 đến hết ngày 30/06/2023).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố hàng năm. Đồng thời phải đảm bảo có đủ uy tín, năng lực, kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

10. Thông qua việc cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng là Ông Nông Văn Sơn nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu Công ty *(theo Tờ trình số 516/2022/TTr-HĐQT ngày 06/10/2022).*

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng ủy quyền, giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được Đại hội nhất trí thông qua.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua với tỷ lệ tán thành 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc điều hành Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28/10/2022.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CHỦ TỊCH HĐQT

Nông Văn Thuyết

Nơi nhận:
- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở GD chứng khoán Hà Nội;
- HĐQT, BTGĐ, BKS (th. hiện);
- Website Công ty;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 507/BC - MĐ

Cao Bằng, ngày 6 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĐTC 2021 - 2022
VÀ MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĐTC 2022 - 2023

Phần I
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĐTC 2021-2022

I/ Đặc điểm tình hình:

*** Thế giới**

Trên thế giới theo dự báo tổ chức ISO ngành mía đường trong niên vụ 22/23 sẽ diễn ra cung vượt cầu, do sản lượng mía tăng ở các nước sản xuất mía đường lớn như Brazil, Ấn Độ, Thái Lan, tổng sản lượng đường thế giới sẽ tăng nhẹ 0,9% lên 183 triệu tấn trong khi sản lượng tiêu thụ toàn cầu là 179 triệu tấn. Tuy nhiên dự báo cuối năm giá năng lượng tăng cao, một phần mía ở Brazil sẽ chuyển làm nguyên liệu sản xuất Ethanol, bên cạnh chính phủ Ấn Độ cũng kiểm soát hạn ngạch xuất khẩu dự báo niên vụ 22/23 là 8 triệu tấn thấp hơn 3,2 triệu tấn của vụ trước là 11,2 triệu tấn.

*** Trong nước:**

Ngành mía đường Việt Nam đã bước qua giai đoạn khó khăn, nhờ đà tăng của giá đường thế giới, trong khi thị trường trong nước được bảo vệ trước tình trạng chống bán phá giá, gian lận thương mại

- Niên vụ 2021-2022, toàn ngành mía đường đã ép được 7,5 triệu tấn mía, sản xuất được gần 741.000 tấn đường. So với niên vụ 2020-2021, sản xuất mía đường niên vụ vừa qua tăng hơn 11,6% về sản lượng mía ép và tăng 7,5% về sản lượng đường
- Ngày 01/08/2022, Bộ Công thương đã ra Quyết định số: 1514/QĐ – BCT về áp dụng biện pháp chống lẩn tránh phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía. Theo đó, các sản phẩm mía nhập khẩu từ 5 nước ASEAN: Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar có sử dụng nguyên liệu đường mía từ Thái Lan sẽ bị áp mức thuế CBPG là 42,99% và thuế CTC là 4,65%. Quyết định có hiệu lực đến hết ngày 15/06/2026, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành sản xuất mía đường trong nước duy trì và phát triển.

*** Công ty**

- Vụ ép 2021-2022 Công ty Cổ phần mía đường Cao Bằng, thực hiện sản xuất kinh doanh thuận lợi vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc, 05 phòng chức năng, 1 tổ bảo vệ, 1 tổ sửa chữa cơ khí và 3 phân xưởng trực tiếp sản xuất.
- Về nhân lực: 31 lao động gián tiếp
277 lao động trực tiếp.

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vụ ép 2021-2022

1.Kết quả sản xuất mía nguyên liệu.

a/ Đặc điểm vùng nguyên liệu:

- Vùng nguyên liệu của Công ty chủ yếu thuộc huyện Quảng Hòa, ngoài ra còn có một phần nhỏ thuộc huyện Thạch An và Trùng Khánh.
- Trong bối cảnh sản xuất kinh doanh dần được phục hồi, giá mía tăng theo giá đường nên vùng nguyên liệu của Công ty có xu hướng tăng nhưng không nhiều, nhiều diện tích đất nông dân đã chuyển đổi cây trồng khác nên diện tích mía tăng chậm so với kỳ vọng.

TT	Nội dung	Vụ 19/20	Vụ 20/21	Vụ 21/22
1	Diện tích mía (ha)	2.710,17	2.047,48	2.182
2	Sản lượng mía (tấn)	144.352	138.937	164.180
3	Năng suất (tấn/ha)	53	67,86	70

- Diện tích đạt 80,51% so với vụ 19/20 và đạt 106,59% so vụ 20/21.
- Sản lượng đạt 112,55% so vụ 19/20 và đạt 116% so vụ 20/21.

b/ Kết quả vùng nguyên liệu đạt được

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 20/21	Vụ ép 21/22		Tỉ lệ % TH	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với (4)	So với (5)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tổng diện tích	ha	2.182	2.500	2.251	103	90
2	Diện tích trồng mới	ha	963	1.100	946	98	86
3	Tổng sản lượng mía	Tấn	141.501	139.648	164.180	116	117
	Trong đó: Mía xuất khẩu *Mía ngoài vùng NL*	*Tấn* *Tấn*	*0* *2.643*		0 10.201	 386	
4	Năng suất	Tấn/ha	68	64	70	103	109
5	Trữ đường bình quân	ccs	12,33	11	11,06	89	100

c/ Đánh giá kết quả đạt được:

- Năng suất tăng 3% so với vụ trước, 9% so với kế hoạch. Tuy nhiên CCS không đạt so với kế hoạch đề ra do chất lượng mía không được tốt.

- Sản lượng mía: 164.180 tấn *(trong đó : 10.201 tấn mía ngoài vùng NL)* tăng 16% so với kế hoạch (KH 139.648 tấn).
- Tổng diện tích mía vụ đông xuân 2021-2022 được 2.251 ha đạt 90% kế hoạch. Trong đó diện tích trồng mới 946 ha đạt 86% so với kế hoạch (KH 1.100 ha)

1.2. Kết quả thu mua, đốn chặt, vận chuyển

- Vụ ép 2021-2022 Công ty thu mua hết số mía đã ký hợp đồng với các hộ nông dân vùng nguyên liệu.
- Giá mua mía bình quân cả vụ tại nhà máy: 1.022 đồng/kg, tại ruộng là: 976 đồng/kg
- Giá mua mía bình quân cả vụ: 987,83 đồng/kg
- Tiền mía được thanh toán kịp thời, chính xác.
- Công tác đốn chặt, vận chuyển hợp lý, chủ động đáp ứng theo kế hoạch sản xuất của dây chuyền, tỷ lệ mía cũ, đầu đen, đầu đỏ ít.

1.3. Kết quả đầu tư vùng nguyên liệu .

- Niên vụ 2021-2022 Công ty vẫn duy trì chính sách đầu tư, khuyến khích đối với các hộ nông dân trồng mía như: cho vay phân bón, mía giống không tính lãi, hỗ trợ 100% đối với giống mía mới QĐ 42; hỗ trợ hơn 50% đối với giống mía Hạ lang. Tổng số tiền đầu tư cho vụ 2022-2023: **13.305.962.800** đồng, tăng 154,86% so với vụ trước.

1.4. Tình hình thu nợ vụ 2021-2022:

Tổng tiền đầu tư vụ 2021-2022: 8.591.761.710 đồng

Tổng số đã thu được đến 30/6/2022: 8.580.009.100 đồng (99,88% so với TĐT) Số dư nợ tại ngày 30/6/2022 là : 11.752610 đồng *đây là nợ cũ chuyển sang, số nợ cũ này tiếp tục thu và xử lý trong vụ 2022-2023.*

1.5. Công tác khác vùng nguyên liệu:

Câu lạc bộ 80 tấn/ha, sau nhiều năm thành lập và hoạt động với mục đích nhân rộng mô hình trồng chăm sóc mía theo kỹ thuật canh tác, thúc đẩy tăng năng suất trong vùng nguyên liệu. Qua thống kê xem xét thấy mô hình đã hoàn thành sứ mạng của nó và không phù hợp bối cảnh hiện nay. Do vậy Công ty đã quyết định dừng tài trợ hoạt động câu lạc bộ mía 80 tấn/ha.

2. Kết quả sản xuất chế biến đường

- Vụ sản xuất 2021-2022 bắt đầu từ ngày 01/12/2021 và kết thúc ngày 29/3/2022. Trong quá trình sản xuất hầu hết các công đoạn trên dây chuyền đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt kế hoạch đề ra ở phần lớn các chỉ tiêu, cụ thể theo bảng số liệu sau:

2.1 Bảng chỉ tiêu kết quả sản xuất

TT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH vụ 20/21	Vụ 2021 - 2022			% so với vụ 20- 21
				KH	TH	% (TH/KH)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7 = 6/5*	*8=6/4*
I	***Chỉ tiêu***						
1	Sản lượng mía ép	Tấn	141.501		164.180		116,03
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	139.294	139.641	161.694	115,79	116,08
3	Hàm lượng đường trong	%	13,804	13,15	12,46	94,75	90,26

	mía						
4	Năng suất ép thực tế	t/ngày	1.577	1.600	1657,66	103,60	105,11
5	Pol bã	%	2,22	2,2	2,27	103,18	102,25
6	Ap mật rỉ	%	36,07	30	32,6	108,67	90,38
7	Pol bùn khô	%	12,11		9,96		82,25
8	Hiệu suất ép	%	96,59	96,6	96,09	99,47	99,48
9	Hiệu suất chế luyện	%	88,78	87,5	85,13	97,29	95,89
10	Tổng hiệu suất thu hồi	%	85,75	84,5	81,8	96,80	95,39
11	Tỷ lệ mía/đường		8.22	9	9,49	105,44	
11	Sản lượng đường	tấn	16.950,40	14.960	17.035,95	113,83	100,50
	Trong đó:Đg trắng loạiI	*tấn*	*5.605,65*	*7.480,44*	*9.551,05*	*127,68*	*170,38*
	Đg vàng loạiI	*tấn*	*11.344,75*	*7.480,44*	*7.484,45*	*100,05*	*65,97*
12	Tỷ lệ đường loại II	%	0	0	0		
13	ATTB Cán ép	%	98,27	98,0	97,8	99,80	99,52
14	ATTB Chế luyện	%	99,49	99,0	99,9	100,91	100,41
15	ATTB Động lực	%	99,99	98,5	99,38	100,89	99,39
II	***Tổn thất***						
1	Tổn thất theo bã	%	3,41	3,4	3,9	114,71	114,37
2	Tổn thất theo bùn	%	1,316	1,75	1,2	68,57	91,19
3	Tổn thất theo mật rỉ	%	8,815	8,65	8,43	97,46	95,63
4	Tổn thất không xác định	%	0,71	1,68	4,65	276,79	654,93
5	Tổng tổn thất	%	14,25	15,48	18,19	117,51	127,65
III	***Tiêu hao***						
1	Mía nguyên liệu	T/tsp	8,22	9	9,49	105,44	115,45
2	Điện mua	kw/tsp	10,7	< 8	9,1	113,75	85,05
3	Củi	M^3/tsp	0,01	0,015	0,01	66,67	100,00
4	Lưu huỳnh	Kg/tsp	5,39	6,5	6,13	94,31	113,73
5	H_3PO_4	Kg/tsp	0,78	1	0,645	64,50	82,69
6	Vôi	Kg/tsp	10,767	15	13,057	87,05	121,27
7	Lượng mật rỉ/ mía	%	3,84	< 4	3,84	96,00	100,00

2.2. Đánh giá kết quả đạt được

- Nguồn nguyên liệu đầu vào có chất lượng thấp, chữ đường không cao. Dây chuyền sản xuất ổn định, kiểm soát tương đối tốt các chỉ tiêu, ban ĐHSX và trưởng các bộ phận sản xuất đã linh động điều chỉnh công suất và các chỉ tiêu kỹ thuật dây chuyền để hạn chế tối đa tổn thất.

- Tuy nhiên do chất lượng mía thấp không đạt theo chỉ tiêu gây khó khăn trong sản xuất chế biến nhiều chỉ tiêu chưa đạt theo kế hoạch cần có giải pháp hạn chế, khắc phục trong vụ tới điển hình như: Hiệu suất ép, AP mật rỉ cao; Hiệu suất tổng thu hồi; tiêu hao điện mua cao...

3. Kết quả hoạt động kinh doanh vụ 2021-2022

Hoạt động kinh doanh vụ 2021-2022 diễn ra tương đối thuận lợi với sự vào cuộc của Bộ công thương cho ra đời Quyết định 477/QĐ-BCT ngày 09/2/2021 về việc áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp tạm thời với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan. Giá đường trong nước bắt đầu có sự chuyển biến tích cực, nhờ đó kết quả kinh doanh vụ 2021-2022 của Công ty Cổ phần mía đường Cao Bằng đạt được những thành quả nhất định cụ thể:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh vụ 2021-2022 :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH vụ 20/21	KH vụ 21/22	TH vụ 21/22	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	
I	**PHẦN NHẬP KHO**					6/5	6/4
1	**SL đường sản xuất nhập kho**	tấn	**16.950,4**	**14.960**	**17.035,95**	**113,83**	**100,5**
	- SL đường trắng	Tấn	5.605,65	7.480	9.551,05	127,68	170,40
	- SL đường vàng	tấn	11.344,75	7.480	7.484,45	100,06	65,97
2	**SL đường gia công đóng túi**	**tấn**	**1.704,5**	**1.550,0**	**1.658,54**	107,00	97,30
	- SL đường trắng	tấn	1.094,7	850,0	679,467	79,94	62,07
	- SL đường vàng	tấn	609,8	*700,0*	979,082	139,87	160,56
3	**Sản lượng mật rỉ nhập kho**	**tấn**	**5.439**	**5.610**	**6.110**	108,9	112,33
II	**PHẦN TIÊU THỤ**						
1	**Sản lượng đường tiêu thụ**	tấn	**17.225**	**15.150,0**	**13.725,879**	90,60	79,69
	Đường trắng bao	tấn	6.452	5.800,0	6.634,350	114,39	102,83
	Đường trắng túi	tấn	1.099,9	850,0	619,113	72,84	56,29
	Đường vàng bao	tấn	9.059,8	7.800,0	5.495,300	70,45	60,66
	Đường vàng túi	tấn	613	700,0	936,566	133,80	152,78
2	**Sản lượng mật rỉ tiêu thụ**	tấn	**4.714**	**5.610,0**	**7.331,528**	130,69	155,53
3	**SL P.vi sinh**	tấn	**5,5**				
4	**SL bã bùn+tro lò tiêu thụ**	tấn	**6.375**	**3.366,0**	**5.467,716**	162,44	85,77
III	**GIÁ BÁN CHƯA VAT**						
	Giá đường bình quân	đ/kg	13.517	13.551	16.222,0	119,71	120,01
	Giá mật rỉ	đ/kg	2.032	2.047	2.251	109,97	110,78
	Giá bán P.vi sinh	đ/kg	2.106	500			
	Giá bán bã bùn+tro lò	đ/kg	209	200	250	125,00	119,6
IV	**DOANH THU CHÍNH**	**1000đ**	**243.753.080**	**217.756.800**	**240.578.012**	110,48	98,70
	Doanh thu đường	1000đ	232.829.406	205.300.000	222.658.706	108,46	95,63
	Doanh thu Mật rỉ	1000đ	9.578.581	11.483.670	16.503.572	143,71	172,30
	Phân Vi sinh	1000đ	11.585				
	Bã bùn + Tro lò	1000đ	1.333.508	973.200	1.416.681	145,57	106,24

V	**DOANH THU KHÁC**	**1000đ**	**12.971.159**		**14.408.178**		111,08
	Doanh thu tài chính	1.000	614.116		766.625,837		124,83
	Doanh thu khác	1.000	12.357.043		13.641.553		110,39
VI	**TỔNG CHI PHÍ**	**1000đ**	**199.760.867**	**191.073.244**	**192.380.959**	100,68	96,31
	CP giá vốn	1.000	180.405.459	178.488.338	169.388.635	94,90	93,89
	CP tài chính	1.000	3.201.411	*3.500.000*	1.165.440	33,30	36,40
	CP bán hàng	1.000	1.190.046	*1.378.274*	1.185.819	86,04	99,64
	CP quản lý doanh nghiệp	1.000	5.539.922	*7.706.631*	6.492.370	84,24	117,19
	CP khác	1.000	9.424.029		14.148.695		150,13
VII	**LỢI NHUẬN TT**	**1000đ**	**56.963.372**	***26.683.625***	**62.460.173**	234,08	109,65
VIII	Nộp NSNN	1000đ	12.176.663	8.500.000	15.387.079	181,02	126,37
IX	Tổng số LĐ có mặt BQ năm	người	158		213		134,8
X	Thu nhập BQ	1000đ	5.715		6.300		110,24

3.1 **Đánh giá kết quả đạt được**

• **Về doanh thu**

Năm 2021-2022 doanh thu chính Vụ ép 2021-2022 tăng 10,5 % so với kế hoạch tương ứng tăng số tiền là: ?? 821 triệu đồng, doanh thu tăng do giá bán đường tăng trong năm so với kế hoạch.

Cụ thể chi tiết doanh thu các sản phẩm tăng: doanh thu sản phẩm đường tăng 10,5%; doanh thu mật rỉ tăng 43,71%; Doanh thu bã bùn tăng 45,56%.

• Sản lượng đường bán ra đạt 90,6% so với kế hoạch đề ra vì dịch bệnh Covid -19 kéo dài, sản xuất và tiêu dùng bị đình trệ, giao thương buôn bán khó khăn dẫn đến hàng tồn kho tăng cao.

• **Về chi phí**:

Tổng chi phí 2021-2022 tăng không đáng kể so với kế hoạch:

Trong đó Chi phí giá vốn giảm 5% nguyên nhân là do sản lượng đường xuất bán chỉ đạt 90,6% so với kế hoạch

Chi phí tài chính giảm mạnh 66,71% so với kế hoạch

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm so với kế hoạch.

• **Lợi nhuận**:

Vụ 2021 -2022 lợi nhuận trước thuế đạt 234% so với kế hoạch.

Nộp ngân sách nhà nước vượt 51% so với kế hoạch

4. Kết quả các mặt công tác khác

4.1. Về công tác lao động tiền lương

Công tác tổ chức lao động niên vụ 2021-2022: Công ty đã sắp xếp lao động hợp lý để ổn định công tác tổ chức, đáp ứng được chất lượng công việc nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động, giảm chi phí sản xuất kinh doanh. Định biên lao động vụ 2021 2022 là 308 người giảm 3 người so với vụ trước. Tiền lương bình quân của người lao động là 6.300.000 đồng/người/tháng. Nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm đảm bảo quyền lợi cho CBCNV người lao động.

4.2. Công tác an ninh trật tự, an toàn lao động.

- Đảm bảo an toàn an ninh trật tự trong công ty.
- Giám sát, kiểm tra hướng dẫn CBCNV người lao động và khách hàng thực hiện nội quy quy định của công ty.
- Công tác an toàn lao động trong toàn Công ty được duy trì và thực hiện tốt, vụ ép 2021-2022 không xảy ra tai nạn lao động.

4.3. Công tác duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO:9001-2015.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 được duy trì thường xuyên. Công tác kiểm soát đảm bảo phòng chống dịch Covid-19 thực hiện tốt.

III/ Hạn chế tồn tại và nguyên nguyên nhân.

1. Đối với vùng nguyên liệu mía

1.1. Hạn chế, tồn tại.

- Diện tích trồng mới không đạt theo kế hoạch (đạt 90% kế hoạch).
- Một số cán bộ địa bàn chưa thật sự sâu sát, chưa phát huy cao tinh thần trách nhiệm, chưa chủ động nắm tình hình nên quá trình điều tra, thống kê số liệu ở một số vùng chưa chính xác.
- Một số tuyến đường giao thông nội vùng mía xuống cấp nên khó khăn cho việc vận chuyển mía.
- Công tác tuyên truyền vận động của cán bộ địa bàn chưa được tốt
- Việc áp dụng cơ giới hóa vào trồng, chăm sóc mía còn nhiều hạn chế.

1.2. Nguyên nhân

- Do điều kiện về địa lý đa số vùng trồng mía diện tích đều nhỏ lẻ manh mún nên việc ứng dụng cơ giới hóa rất khó khăn.
- Do giá cả thị trường đường không ổn định, giá mía tăng nhẹ nên người dân vẫn còn dè chừng lựa chọn.
- Cạnh tranh giữa cây mía và các loại cây trồng khác, thu nhập từ cây mía chưa thực sự hấp dẫn đối với người trồng mía.
- Trình độ chuyên môn của CBĐB không đồng đều cũng ảnh hưởng đến công tác tuyên truyền vận động các nông hộ trồng mía.
- Chưa có giống mía mới đạt tiêu chuẩn phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của vùng nguyên liệu mía công ty
- Chưa có cơ chế phù hợp để khuyến khích các nông hộ chú trọng chăm sóc mía theo đúng quy trình kỹ thuật.

2. Đối với dây chuyền thiết bị chế biến đường

2.1. Hạn chế tồn tại

a/ Phân xưởng cán ép:

Bạc trục bánh răng trung gian bị nóng do quá trình lắp chưa đạt yêu cầu kỹ thuật; bộ nén trục đỉnh thường xuyên bị rò dầu không đảm bảo áp lực nén; Lực đỉnh máy 1 bị mòn nhanh phải thay nhiều lược dự phòng do lô hàn nhám không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; sự cố cháy động cơ máy xé 1 nên phải dừng dây chuyền một thời gian.

b/ Phân xưởng chế luyện:

+ Hệ thống thiết bị còn xảy ra nhiều sự cố ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất như: Máy đo pH tự động chưa ổn định, ảnh hưởng đến các chỉ tiêu ở công đoạn làm sạch; Công tác bảo ôn thiết bị, đường ống chưa tốt gây tổn thất năng lượng.

+ AP mật rỉ; Pol bùn cao không đạt chỉ tiêu kỹ thuật gây tổn thất đường đặc biệt trong sản xuất đường vàng,

+ Kích cỡ hạt đường thành phẩm chưa đồng đều, tỉ lệ đường bụi hạt ngoài tiêu chuẩn còn cao.

+ Độ màu đường thành phẩm chưa ổn định giữa các nồi nấu và chưa theo kịp thị hiếu thị trường.

c/ Phân xưởng Động lực:

Quản lý và sử dụng nước còn thất thoát nhiều; Lượng điện lưới tiêu hao Kw/tsp còn cao hơn so với chỉ tiêu, do có thời điểm thiếu bã dự phòng phải hòa lưới điện để xả bã cho nấu vét.

2.2. Nguyên Nhân:

+ Hệ thống thiết bị sử dụng lâu năm, công tác kiểm tu, SCBD chưa kỹ, còn chủ quan. Trình độ năng lực còn hạn chế đặc biệt đối với lĩnh vực điện tự động hóa.

+ Năng lực thiết bị chưa đồng bộ đặc biệt công đoạn nấu chưa đáp ứng đồng bộ cùng công suất dây chuyền, công nhân nhiều cương vị chưa làm chủ được cương vị.

- Năng lực chuyên môn của một số lao động chưa đáp ứng được yêu cầu.

Công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường tại một số tổ, bộ phận chưa được tốt.

3. Đối với công tác khác.

3.1 Hạn chế tồn tại.

- Năng lực chuyên môn của một số lao động chưa đáp ứng được yêu cầu.
- Một số thiết bị kiểm nghiệm còn thiếu hoặc đã sử dụng lâu năm độ chính xác kém.
- Hệ thống thiết bị một số khâu chưa được đầu tư đồng bộ.

3.2. Nguyên nhân.

- Công ty chưa có điều kiện mở lớp chuyên ngành cho người lao động.
- Điều kiện kinh tế chưa đảm bảo để đầu tư thiết bị thay thế.

IV. Một số giải pháp, kiến nghị.

- Mở lớp đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ chế biến cho người lao động, đặc biệt là lao động trẻ chưa qua đào tạo. Tổ chức thi nâng bậc theo định kỳ để tạo động lực, ý thức cho người lao động tự học tập, nghiên cứu nâng cao chuyên môn.
- HĐQT xem xét từng bước đầu tư nâng cấp thiết bị để đồng bộ được về công suất giữa các công đoạn của dây chuyền.

Phần II
MỤC TIÊU KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP NIÊN VỤ 2022- 2023

I. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NIÊN VỤ 2022-2023

STT	Một số chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	TH vụ 2021 - 2022	KH vụ 2022- 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Diện tích mía	ha	2.251	2.450	
2	Diện tích trồng mới	ha	946	1.100	
3	Sản lượng mía đưa vào sản xuất	tấn	161.694	146.000	
4	Năng suất BQ	tấn /ha	70	66	
5	Chữ đường mía BQ	ccs	11,06	11,20	
6	Công suất ép BQ/ngày SX	tấn/ngày	1.606	1.471	
7	Công suất ép thực tế BQ	tấn/ngày	1.657	1.600	
8	Số ngày ép thực tế	ngày	99,05	91,25	
9	Hiệu suất tổng thu hồi	%	82,32	84,3	
10	Tổng tổn thất	%	18,2	15,7	
11	AP mật rỉ	%	32,6	35	
12	Tỷ lệ mía /đường		9,49	9,5	
13	SL đường nhập kho	tấn	17.035	15.368	
	Đường Trắng	*tấn*	9.551	10.758	
	Đường Vàng	*tấn*	7.484	4.610	
14	SL đường tiêu thụ	tấn	13.725	15.500	
15	SL mật rỉ tiêu thụ	tấn	7.331	5.800	
16	SL Phân bã bùn +tro lò	tấn	5.468	3.600	
17	Tổng doanh thu	1000đ	240.578.012	256.310.800	
	Trong đó :				
17.1	*Doanh thu đường*	*1000đ*	222.658.706	241.050.000	
17.2	*Doanh thu mật rỉ*	*1000đ*	16.502.623	14.360.800	
17.3	*DT Bã bùn+ tro lò*	*1000đ*	1.416.682	900.000	
18	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	62.460.173	37.176.982	
19	Nộp NSNN	1000đ	15.387.079	11.000.000	

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NIÊN VỤ 2022 – 2023

1. Đối với vùng nguyên liệu:

- Đầu tư quy hoạch vùng nguyên liệu mía trọng điểm
- Triển khai phương thức quản lý hiện đại nhằm tối ưu hóa nguồn lực Công ty
- Cán bộ nguyên liệu cần tự nâng cao kiến thức năng lực công tác
- Cần tăng cường tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các nông hộ trồng mía theo quy trình kỹ thuật, áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất mía, thâm canh tăng năng suất, đầu tư phân bón đúng thời gian đủ số lượng, chăm sóc, làm cỏ và phòng trừ sâu bệnh hại mía kịp thời.

- Triển khai các chính sách nhằm giảm dần giống mía nguyên liệu có chữ đường thấp trong địa bàn vùng nguyên liệu, tập trung phát triển, khuyến khích bà con trồng các giống mới có chữ đường cao, đảm bảo chất lượng tăng năng suất, giảm giá thành sản xuất mía.
- Xây dựng kế hoạch đốn chặt, vận chuyển đúng thời vụ để đảm bảo hiệu quả thu hồi và giảm chi phí.

2. Đối với dây chuyền sản xuất

- Lập kế hoạch đầu tư, thay thế, cải tạo, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị kịp thời đáp ứng được yêu cầu trong sản xuất
- Cung cấp vật tư thiết bị đạt yêu cầu, kịp thời theo từng giai đoạn SCBD,
- Thay thế, đầu tư mới các thiết bị hợp lý về giá cả, phù hợp về chất lượng.
- Xây dựng định mức sử dụng vật tư phù hợp với việc sửa chữa bảo dưỡng cải tạo thiết bị.
- Thực hiện kế hoạch SCBD, cải tạo thay thế, nghiệm thu chạy thử thiết bị giảm thiểu sự cố trong sản xuất
- Thay thế một số thiết bị bằng tự động hóa
- Ổn định công suất của nhà máy chế biến, thu mua chế biến đúng thời vụ để đảm bảo hiệu quả thu hồi, chất lượng sản phẩm tốt.
- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ.
- Chú trọng tuyển dụng, đào tạo nhân lực kế thừa và duy trì nguồn nhân lực chuyên môn cao.

3. Giải pháp về tiêu thụ đường:

- Phát triển kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần
- Tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực của hệ thống phân phối
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, thái độ phục vụ

4. Các giải pháp đối với công tác khác.

- Tăng cường tuần tra canh gác bảo vệ tài sản Công ty. Phối hợp với Cơ quan chức năng duy trì tốt công tác an ninh trật tự và tệ nạn xã hội trong Công ty.
- Duy trì hoạt động Công ty theo hệ thống QLCL ISO 9001-2015.
- Tăng cường công tác chống dịch Covid -19.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS
- Ban TGĐ
- Các đơn vị
- Các cổ đông
- Lưu VT, trang WEB

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4800104812-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG H. QUẢNG HÒA - T. CAO BẰNG

Ma Trung Lập

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng - Huyện Quảng Hoà - Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại: 0206.3824121 - Fax: 0206.3824113
ISO 9001: 2015 Mã số thuế: 4800104012

Số: 508 /BC-HĐQT *Cao Bằng, ngày 6 tháng 10 năm 2022*

BÁO CÁO
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN ĐỘ 2021-2022 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NIÊN ĐỘ 2022-2023

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NIÊN VỤ 2021 - 2022

Niên độ tài chính 2021-2022, HĐQT hoạt động với đầy đủ 05 thành viên, đã tiến hành nhiều cuộc họp để thảo luận ban hành nhiều chính sách phù hợp với từng thời kỳ sxkd.

I. Tình hình chung:

- **Trên thế giới:** Từ tháng 7/2021 giá đường thế giới tiếp tục đà tăng do lo ngại về tình hình thời tiết sương giá tại các cánh đồng mía ở Brazil sẽ làm giảm sản lượng mía, cộng với tình trạng giá dầu thô tăng cao diễn ra từ đầu năm 2022 khiến cho các nhà máy ở Brazil chuyển một phần sản lượng mía sang sản xuất ethanol. Do đó mức giá đường năm qua dao động từ 17,5 cent/lb đến 20,75cent/lb đây là mức giá cao từ năm 2017.

- **Tại Việt Nam:** Sau khi quyết định số 1578/QĐ-BCT, ngày 15/6/2021 của bộ Công thương về viêc áp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp chính thức đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan có hiệu lực, thị trường đường trong nước được hỗ trợ một phần về tâm lý. Đến đầu vụ sản xuất giá đường trong nước hoàn toàn phụ thuộc vào giá đường gian lận thương mại, đường nhập lậu. Bên cạnh đó các biện pháp phòng dịch Covid 19 đã làm nhu cầu xã hội về tiêu thụ đường giảm mạnh càng ảnh hưởng đến giá đường. Nhìn chung giá đường năm qua mặc dù được củng cố ở mức giá cao hơn những năm gần đây nhưng còn phụ thuộc nhiều vào giá đường gian lận thương mại và đường nhập lậu.

- **Tại Công ty**: Nhờ kiểm soát khá tốt chi phí, giá thành sản xuất ở mức hợp lý, vùng nguyên liệu được giữ ổn định về diện tích sản lượng, tranh thủ được nguồn nguyên liệu ngoài vùng (mía huyện Hạ Lang) nên duy trì được quy mô sản xuất. Dây chuyền sản xuất tương đối suôn sẻ mặc dù trong vụ sản xuất còn sảy ra một số sự cố lớn, nhưng kết quả đạt được ở mức cao so với bình quân những năm gần đây. Kết quả kinh doanh thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1. Về vùng nguyên liệu

- Trong năm qua diện tích vùng nguyên liệu tăng nhẹ nhưng chất lượng mía còn có phần giảm sút. Do giá mía tăng chưa tương xứng với sức tăng vật tư nông nghiệp làm giảm hiệu quả kinh tế nên công tác chăm bón có phần hạn chế.
- Một số bộ giống mới như KK3, BM423 sau khi đưa vào trồng diện rộng lại cho chữ đường thấp ccs <10, do không phù hợp điều kiện thổ nhưỡng đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của dây truyền.
- Kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

TT	Nội dung	Vụ đông xuân 2020-2021			Vụ đông xuân 2021-2022		
		Kế hoạch	*Thực hiện*	*Tỷ lệ (%)*	*Kế hoạch*	*Thực hiện*	*Tỷ lệ (%)*
1	Diện tích mía toàn vùng (ha)	2450	2182	89	2.500	2.251	90
2	Diện tích trồng mới	1.000	963	96,3	1.100	946	86
3	Sản lượng mía ép vụ 21/22 (tấn),(*ko bao gồm mía ngoài vùng)*	125.000	138.937	111,15	134.648	152.228	113
4	Năng suất (tấn/ha)	61	68	111	65	70	107

Về giá thu mua mía: Từ đầu vụ ép HĐQT đã thống nhất tăng giá thu mua mía từ 867 đ/kg lên 987 đ/kg (*tăng 113,8%).*khi nhận thấy tín hiệu tích cực từ giá đường.

2. Kết quả sản xuất

2.1. Đối công tác đầu tư, thay thế thiết bị dây truyền :

a/ Các hạng mục đầu tư thay mới thiết bị dây chuyền .

TT	Hạng mục Thiết bị	Đơn vị	Thành tiền
1	Mua bạc đồng máy ép mía (12 cái)	Tr đ	926
2	Nhông chủ động	Tr.đ	70
3	Xích bục lùa	Tr.đ	151
4	Xích băng ngang Lò Hơi	Tr.đ	283

5	Cánh quạt sát lò hơi	Tr.đ	80
6	Tủ biến tần máy ép	Tr.đ	435
7	Động cơ 220kw lắp cho máy ép mía	Tr.đ	441
8	Tháp trung hòa (4 cái)	Tr.đ	1.375
9	Hộp làm mát cưỡng bức khí SO2	Tr.đ	516
10	Van điều khiển bằng tay xả nồi nấu đường DN350	Tr.đ	75
	Cộng	Tr.đ	**4.154**

b/ Đầu tư Xây dựng cơ bản.

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thành tiền
1	Lắp dặt mới mái che bã mía phân xưởng động lực	Tr.đ	138
2	Cải tạo sửa chữa đường vào nhà máy	Tr.đ	395
	Cộng	**Tr.đ**	**534**

Tổng vốn đầu tư thực hiện đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị trong năm là 4.688 triệu đồng, sử dụng từ nguồn vốn tự có *(chưa bao gồm các vật tư, linh kiện thay thế cho SC-BD sau vụ ép)*.

2.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội năm 2021:

Sản phẩm đường kính trắng đạt tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam TCVN 7968: 2008; Sản phẩm đường kính Vàng đạt tiêu chuẩn cơ sở.

Chỉ tiêu (1)	ĐVT (2)	Nghị quyết (3)	TH vụ 21-22 (4)	% (4:3)
1. Sản lượng mía ép (đã trừ tạp chất)	Tấn	134.648	161.695	120
2. Tổng sản lượng đường kính	Tấn	14.960	17.035	113,8
Trong đó: Đường Trắng	Tấn	7.480	9.551	127,7
Đường Vàng	Tấn	7480	7484	100,05
3. Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	Tấn	5.610	7.331	130,6
4. Sản lượng bã bùn, tro lò	Tấn	3.366	5.467	162,4
5. Tổng doanh thu tiêu thụ sản phẩm	Tr. đồng	217.757	240.578	110,5
6. Lợi nhuận từ SXKD (trước thuế)	Tr. đồng	26.683	62.460	234
7. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	21.346	49.938	233,9

8. Tỷ lệ chia Cổ tức / vốn điều lệ	%	20	80	400

3. Về các mặt công tác khác

3.1. Về quản lý lao động

Công ty luôn quan tâm tuyển dụng, đào tạo, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Khuyến khích tinh thần sáng tạo, cải tiến dây chuyền sản xuất. Chất lượng đội ngũ cán bộ CNV lao động ngày càng được nâng cao, thông qua việc đánh giá năng lực hàng năm, rà soát lại đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị, quy hoạch, đào tạo cán bộ phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.

3.2. Quản lý chất lượng:

Hiện nay đang áp dụng thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn giám sát và quản chế các chỉ tiêu đề ra; các quy trình làm việc được bổ sung có Hiệu quả, chất lượng công việc được cải thiện.

3.3. Về quản lý môi trường

Công tác xử lý nước thải, rác thải công nghiệp, kho chứa hóa chất... bảo vệ môi trường được HĐQT đặc biệt quan tâm tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, đảm bảo toàn bộ nước sau khi phục vụ công tác sản xuất chế biến đường đều được xử lý theo đúng quy định trước khi xả ra môi trường. Các chất thải có yếu tố độc hại nguy hiểm đều được tiêu huỷ đúng theo quy định của cơ quan chức năng.

3.4. Về công tác xã hội

Công ty luôn tham gia đóng góp đầy đủ các quỹ: Quỹ phòng chống Covid19; quỹ an ninh quốc phòng, Quỹ nông dân, khuyến học, ủng hộ các địa phương khi gặp thiên tai...

3.5. Lựa chọn công ty kiểm toán

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc để kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2020- 2021.

4. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Để kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành, cũng như chủ động ban hành các chính sách phù hợp với từng thời kỳ sản xuất kinh doanh nhằm hiện thực hóa nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2021. HĐQT đã tiến hành nhiều cuộc họp thông qua nhiều nội dung quan trọng như sau:

4.1 Kỳ họp ngày ngày 15/7/2021 (Nghị quyết số 248/NQ-HĐQT) thông qua các nội dung:

- Nâng mức lương cho người lao động bằng phương án cộng hệ số thâm niên;

- Thông qua chỉ tiêu năng suất, sản lượng mía cho vụ ép 2021-2022;

- Thông qua kế hoạch chỉ tiêu kỹ thuật sản xuất vụ 2021-2022;

- Thông qua chủ trương đầu tư 1.500 m3 đá xô bồ cho một số tuyến nội đồng trong vùng nguyên liệu;

4.2. Kỳ họp ngày 3/8/2021 (ban hành Nghị quyết số 265/NQ-HĐQT), các nội dung:

- Thông qua chỉ tiêu mục tiêu kế hoạch 2021-2022;

- Thông qua đơn giá và quỹ lương kế hoạch 2021-2022.

4.3. Kỳ họp ngày 27/8/2021 (ban hành Nghị quyết số: 282/NQ-HĐQT): nội dung:

- Tổ chức đại hội cổ đông thường niên bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

4.4. Kỳ họp ngày 9/11/2021 (ban hành Nghị quyết số: 407/NQ-HĐQT): nội dung

- Ban hành chính sách thu m ua mía nguyên liệu và mía giống cho vụ ép 2021-2022;

.4.5 Kỳ họp ngày 13/12/2021 (ban hành Nghị quyết số: 483/NQ-HĐQT)

- Điều chỉnh kế hoạch bán đường thành phẩm trong tháng 12/2021 (bán 2.500 tấn; từ ngày 13/12 đến 30/12/2021);

4.6. Ký họp ngày 15/2/2022 (ban hành Nghị quyết số 172/NQ-HĐQT), nội dung:

- Bán 2.000 tấn đường vàng cho cty cổ phần thương mại Song Phương.

.4.7. Kỳ họp ngày 4/4/2022 (ban hành Nghị quyết số 322/NQ-HĐQT):

- ban hành mức hỗ trợ người LĐ không bố trí được việc làm ngoài vụ ép;

- Nâng hệ số lương cơ bản của người lđ lên mức 1.800.000đ/tháng;

- Thống nhất một số hạng mục đầu tư lớn sau vụ ép 2021-2022.

. 4.8 Kỳ họp ngày 4/4/2022 (ban hành Nghị quyết số: 323/NQ-HĐQT)

- Bổ nhiệm chức danh phó Tổng Giám đốc đối với ông ***Nông Văn Sơn***

4.9. Kỳ họp ngày 27/6/2022 (ban hành Nghị quyết số:384/NQ/HĐQT)

- Hoàn thiện 1 phần căn hộ Shophouse TNR Star Centrel Cao Bằng;

- Mua xe oto ben thương hiệu Thaco trọng tải 3,45 tấn cho px động lực trở tro bùn;

- Tiếp tục duy trì cửa hàng bán, giới thiệu sản phẩm tại thị trấn Quảng Uyên theo phương án giao khoán..

4. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT.

Trong năm 2021-2022, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ hoạc đột xuất theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Thường xuyên đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty. Ban hành 09 Nghị quyết nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, đưa ra các giải pháp chỉ đạo hợp lý nhằm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đề ra.

Trong quá trình hoạt động HĐQT đã phối hợp tốt với Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, tổ chức Đảng, tổ chức đoàn thể, để thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều

hành các hoạt động của Công ty; thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chỉ đạo, giám sát đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu mía ổn định, trú trọng phát triển vùng nguyên liệu trọng điểm. Cơ cấu lại các bộ giống mía để tăng năng suất, đảm bảo chữ đường, tăng thời gian lưu gốc. đảm bảo sản lượng mía nguyên liệu cung cấp đủ cho nhà máy hoạt động theo công suất.

Chú trọng công tác sửa chữa bảo dưỡng sau vụ sản xuất để nâng cao hiệu suất dây chuyền, nâng cao thu hồi, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản xuất. cải thiện Điều kiện làm việc cho người lao động, tạo sự gắn bó của CBCNV lao động với Công ty.

Trú trọng đến các chế độ, phúc lợi cho người lao động để người lao động có thêm động lực, trách nhiệm trong công việc, gắn bó với công ty lâu dài.

Hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm thực hiện tốt, duy trì và trú trọng các khách hàng truyền thống, tìm kiếm khách hàng và vùng thị trường mới phù hợp đặc điểm sản phẩm.

5. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban điều hành:

- HĐQT đã ban hành quy chế hoạt động, phân công phân nhiệm cho từng thanh viên trong công tác giám sát Ban điều hành và các lĩnh vực hoạt động của Công ty để đảm bảo việc triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT; thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của TGĐ, Ban TGĐ.

- Niên độ 2021-2022 TGĐ, Ban TGĐ đã quán triệt và triển khai có hiệu quả Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các khuyến cáo của BKS, hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ.

6. Những hạn chế tồn tại và nguyên nhân:

**** Tồn tại:***

- Vùng nguyên liệu bị thu hẹp, diện tích trồng mới không đạt kế hoạch, một số bộ giống mới khi đưa vào trồng diện rộng lại cho chữ đường bình quân thấp như KK3, BM423; ROC27. Tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong khâu trồng, chăm sóc mía còn thấp.

- Hiệu hiệu quả sản xuất dạt thấp; tổng thu hồi dây chuyền, tỷ lệ mía/đường không đạt theo kế hoạch.

- Về kinh doanh tiêu thụ sản phẩm: giá thị trường được cao hơn năm trước nhưng giá bán bình quân đạt thấp hơn mặt bằng chung cả nước.

**** Nguyên nhân:***

- Do giá giá các vật tư nông nghiệp tăng cao (phân bón tăng >160% so năm trước), giá xăng dầu tăng cao. Giá mía mặc dù đã điều chỉnh tăng nhưng vẫn không bù lại được chi phí cho người dân làm hiệu quả kinh tế cho người trồng mía ko cao nên nông dân đã chuyển một phần diện tích sang trồng cây khác hoặc ít trú trọng chăm sóc mía.

- Điều kiện kinh tế địa phương khó khăn, đất trồng manh mún, trồng hộ cá thể nên việc đầu tư và cơ giới hóa còn nhiều hạn chế. cán bộ nguyên liệu còn hạn chế về trình độ tuyên truyền, một số chưa sát sao.

- Do dây chuyền sản xuất phải dừng sản xuất do sảy ra sự cố nhiều, đầu tư chưa đồng bộ, một số công đoạn sản xuất có công suất thiết bị thấp hơn công suất chung dây chuyền như nấu đường, làm sạch cộng thêm trình độ, kỹ năng của công nhân ở một số cương vị chưa cao.

- Do chất lượng sản phẩm chưa so kịp các nhà máy khác, điều kiện về vận chuyển xa nên chi phí vận chuyển cao hơn tạo nên sự chênh lệch giá bán so với mặt bằng chung.

Phần thứ hai

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NIÊN VỤ 2022-2023.

A. Nhận định tình hình chung.

Trên thế giới theo dự báo tổ chức ISO ngành mía đường trong niên vụ 22/23 sẽ diễn ra cung vượt cầu, do sản lượng mía tăng ở các nước sản xuất mía đường lớn như Brazil; Ấn độ; Thái Lan, tổng sản lượng đường thế giới sẽ tăng nhẹ 0,9% lên 183 triệu tấn trong khi sản lượng tiêu thụ toàn cầu là 179 triệu tấn. Tuy nhiên dự báo cuối năm giá năng lương tăng cao một phần sản lượng mía ở Brazil sẽ chuyển làm nguyên liệu sản xuất Ethanol, bên cạnh chính phủ Ấn độ cũng kiểm soát hạng ngạch xuất khẩu dự báo niên vụ 22/23 là 8 triệu tấn thấp hơn 3,2 triệu tấn của vụ trước là 11,2 triệu tấn do nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng.

Trong nước niên vụ 21/22 sản lượng sản xuất đạt 741.000 tấn tăng 7,5% so cùng kỳ năm trước. nhưng đây vẫn là năm thứ 2 có sản lượng thấp nhất trong gần 10 năm nay. Sản lượng này so với nhu cầu tiêu thụ nội địa còn thiếu hụt 1,3 – 1,4 triệu tấn. Lượng thiếu hụt này được bù bằng đường được trợ giá từ vương quốc Thái Lan, hoặc nguồn đường gian lận thương mại, nhập lậu. Trong 2 năm trở lại đây chính phủ và các bộ nghành liên quan đã có chính sách hỗ trợ phát triển ngành mía đường. Cụ thể nhất là quyết định số 1578/QĐ-BCT, ngày 15/6/2021 về việc *áp thuế chống phá giá và thuế trợ cấp đối với một số sản phẩm đường mía có xuất sứ từ vương quốc Thái Lan* và quyết định số 1514/QĐ-BCT, ngày 01/8/2022 của bộ công thương về việc *áp biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía*, theo đó đường có xuất sứ từ Thái Lan qua 5 nước Asian đều phải chịu thuế nhấp khẩu 47,64%. Những chính sách này sẽ hỗ trợ tích cực cho giá đường trong nước trong thời gian tới, để đường sản xuất từ mía trong nước được cạnh tranh công bằng trên thị trường nội địa.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi cũng còn tồn tại những yếu tố rủi ro đó là chính sách phòng chống Covid của Trung Quốc chưa nới lỏng làm giảm sức tiêu thụ đường; lạm phát tăng cao làm đồng nội tệ của các nước sản xuất lớn như Brazil; Ấn Độ; Thái Lan

suy yếu sẽ thúc đẩy lượng xuất khẩu đường. Trong nước cơ chế kiểm soát đường lậu không chặt chẽ sẽ tạo cơ hội cho đường lậu vào chiếm lĩnh thị trường trong nước.

B. Mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2022 – 2023.

Căn cứ số liệu từ vùng nguyên liệu và kết quả thực hiện niên vụ 21/22 cũng như những nhận định trên. HĐQT xây dựng mục tiêu sản xuất kinh doanh cho niên vụ 2022-2023, trình đại hội đồng cổ đông xem xét như sau:

1. Diện tích mía nguyên liệu vụ đông xuân 2022-2023 đạt trên 2.500 ha

Trong đó diện tích trồng mới: ≥ 1.100 ha

2. Năng suất bình quân : ≥ 66 tấn/ ha

3. Sản lượng mía ép vụ 202-2023 : ≥ 146.000 tấn

4. Tỷ lệ mía/ đường : ≤ 9,5

5. Hiệu suất tổng thu hồi ≥ 84 %

6. Công suất chế biến thực tế bình quân: 1.600 tấn mía/ngày .

7. Sản lượng đường nhập kho: ≥ 15.368 tấn

8. Sản lượng đường tiêu thụ: ≥ 15.500tấn

9. Sản lượng Mật rỉ tiêu thụ: ≥ 5.800 tấn

10. Sản lượng bã bùn- tro lò ≥ 3.600 tấn

11. Tổng doanh thu đạt: ≥ 256.310 triệu đồng

12. Lợi nhuận trước thuế: ≥ 37.176 triệu đồng

13. Nộp ngân sách Nhà nước: 11 tỷ

14. Cổ tức 20 %/ năm

C. Một số giải pháp thực hiện trong niên vụ 2022-2023

1. Về tổ chức quản trị

1.1. Thực hiện quản trị theo quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế Ban TGĐ

1.2. Tiếp tục xem xét bộ máy, tinh giản lao động nhưng hoạt động có hiệu quả.

1.3. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện bộ tiêu chuẩn các chức danh, cương vị gắn với tiêu chuẩn cấp bậc, tiền lương.

1.4. Mở lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lao động trẻ đã ký hợp đồng dài hạn

1.5. Hoàn thiện Quy chế Quản lý lao động và quy chế tiền lương, tiền thưởng.

1.6. Hàng năm thực hiện đánh giá năng lực công tác và lấy phiếu tín nhiệm của cán bộ quản lý, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động công khai minh bạch.

1.7. Sửa đổi Bổ sung có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

2. Về xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía:

2.1. Tăng giá thu mua mía cải thiện hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho người trồng mía. Tập trung đầu tư vào vùng nguyên liệu trọng điểm; tiếp tục khảo nghiệm các bộ giống mía mới trước khi nhân rộng, ban hành chính sách khuyến khích chăm sóc mía gốc.

2.2. Rà soát diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu mía cho nhà máy, đánh giá khả năng cung cấp nguyên liệu, tiếp tục xây dựng chính sách đầu tư hỗ trợ cho nông dân theo hướng khuyến khích tăng năng suất, chất lượng mía; Đảm bảo xây dựng được vùng nguyên liệu mía phát triển ổn định bền vững.

2.3. Tổ chức tốt công tác đốn chặt vận chuyển, đảm bảo mía chặt xong được chuyển ngay về chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất.

3. Về Đầu tư thiết bị dây chuyền chế Chế biến:

Tiếp tục thực hiện đầu tư để nâng cao hiệu suất tổng thu hồi, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, tận thu phế phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Lựa chọn tỷ lệ sản xuất từng loại sản phẩm đường Trắng, vàng phù hợp. để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu suất tổng thu hồi và chất lượng sản phẩm.

Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công nghiệp; đầu tư xây dựng, cải tạo kho chứa thành phẩm; quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường

4. Vê Tiêu Thụ sản phẩm.

Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm hợp lý, tạo lập kênh phân phối ổn định thông qua ký kết Hợp đồng với các khách hàng truyền thống. Mở rộng thị trường bán lẻ ra các tỉnh lân cận.

5. Về tiêu thụ sản phẩm sau đường:

Xây dựng chính sách tiêu thụ sản phẩm linh hoạt, phù hợp từng thời kỳ.

Trên đây là những nội dung báo cáo hoạt động của HĐQT niên độ 2021-2022 và phương hướng nhiệm vụ niên độ 2022-2023. Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS
- Các cổ đông;
- Lưu: HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 4800... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG H. QUẢNG HÒA - T. CAO BẰNG

Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
BAN KIỂM SOÁT

Số: 509 /BC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 6 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĐTC 2021- 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP mía đường Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên niên độ 2021-2022 của Công ty CP mía đường Cao Bằng ngày 26/10/2021;

Ban kiểm soát báo cáo trước ĐHĐCĐ,về công tác hoạt động niên độ 2021-2022 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát niên độ tài chính 2022-2023 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS)

1. Cơ cấu, thù lao Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên, 01 trưởng ban chuyên trách và 02 thành viên kiêm nghiệm.

- Trong quá trình hoạt động BKS được chi trả thù lao theo đúng quy định và nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2021.

+Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng

+Ủy viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6 /tháng/người

+Mức tiền lương tối thiểu công ty áp dụng là 1.600.000 đồng

2. Tình hình hoạt động và các cuộc họp của Ban Kiểm soát

2.1. Niên độ TC 2021-2022, công tác kiểm soát, giám sát của Ban Kiểm soát tập trung vào các nội dung sau:

- Tổng kết hoạt động kiểm soát, giám sát NĐTC 2020-2021; thông qua báo cáo trình ĐHĐCĐ; thông qua kế hoạch hoạt động NĐTC 2021-2022 của Ban Kiểm soát.

- Giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT Công ty.

- Ban Kiểm soát/thành viên BKS đã tham dự và tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ trong các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp giao ban của công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của Nhà nước, quy định nội bộ của Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp, của người lao động và của cổ đông Công ty.

- Kiểm tra tính tuân thủ, tin cậy, tính hệ thống và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty; kiểm tra việc triển khai thực hiện khuyến cáo, kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, kiểm toán

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo tài chính niên độ 2021-2022 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành.

2.2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

- Niên độ tài chính 2021-2022, BKS họp 2 lần trong năm, Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin giữa các thành viên để triển khai thực hiện các nội dung công việc theo chức trách nhiệm vụ và thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

- Đến thời điểm 30/6/2022, Ban kiểm soát chưa phát hiện, hiện tượng vi phạm Pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGĐ

1. Kết quả giám sát hoạt động HĐQT

- Trong NĐTC 2021-2022 HĐQT đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ trong công tác quản lý và điều hành công ty.

- HĐQT đã chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện tốt các nội dung Nghị quyết số 381/NQ-MĐ ngày 26/10/2021 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD.

- HĐQT của công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, các cuộc họp đột xuất khi cần thiết để triển khai thống nhất định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT và Ban tổng giám đốc Công ty đã tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành Công ty theo quy định Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Thực hiện nghĩa vụ với NSNN, BHXH theo quy định.

- BKS đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Kết quả giám sát công tác điều hành của BTGĐ và bộ phận quản lý công ty.

- Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty đã tuân thủ đúng theo Qui định, Điều lệ của công ty, triển khai thực hiện các chủ trương, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, Nghị quyết Quyết định của HĐQT, tập trung điều hành sản xuất linh hoạt kịp thời. Trong quá trình thực hiện Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty, thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, Quy chế công ty và định hướng của HĐQT, công bố thông tin đúng quy định.

2.1 Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ NĐTC 2021 – 2022

- NĐTC 2021-2022 các chỉ tiêu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021 đều thực hiện vượt mức so với kế hoạch đề ra. Doanh thu thực hiện từ 01/7/2021 đến 30/6/2022 tăng so với kế hoạch, do tình hình thị trường thuận lợi hơn. Lợi nhuận hoàn thành vượt mức kế hoạch giao, nguyên nhân chủ yếu là do: giá bán sản phẩm đường tăng, sản lượng bán ra của mật rỉ và bã bùn tăng lên so với kế hoạch, các chi phí được kiểm soát tốt.

- Sản lượng mía thực hiện tăng 20% so với kế hoạch, nguyên nhân một phần do năng suất tăng và tận thu được nguyên liệu ngoài vùng.

- Kết quả cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021-2022 Theo Nghị quyết	Thực hiện 2021-2022	Tỷ lệ % hoàn thành KH
1	Sản lượng mía ép	Tấn	134.648	161.694	*120*
2	Sản lượng đường sản xuất	Tấn	14.960,8	17.035,9	*113,8*
3	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	15.150	13.725	*90,5*
4	Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	Tấn	5.610	7.331	*130*
5	Sản lượng bã bùn tiêu thụ	Tấn	3.366	5.467	*162*
6	Doanh thu SP chính	Tr.đ	217.757	240.578	*110*
7	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	26.683	62.460	*234*
8	Tổng lợi nhuận sau thuế	Trđ	21.346	49.938	*234*

2.2 Về công tác đầu tư, XDCB, Sửa chữa bảo dưỡng

- Trong NĐTC 2021-2022 công ty đã đầu tư mua một số máy móc thiết bị với tổng số tiền đầu tư : 4.688,9 triệu đồng cụ thể :

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (tr.Đồng)
	I/Máy móc thiết bị			
1	Bạc đồng máy ép mía	Cái	12	925,7
2	Nhông chủ động	Cái	6	70,3
3	Xích bục lùa	m	81	151
4	Xích băng tải lò hơi(băng tải ngang)	m	100	283,6
5	Cánh quạt sát lò hơi	Cái	1	80,7
6	Tủ biến tần	Cái	1	435,2
7	Động cơ 220KW (lắp cho máy ép mía)	Cái	1	441,2
8	Tháp trung hòa	Bộ	4	1.375,7

9	Hộp làm mát cưỡng bức khí SO2	Cái	1	315,7
10	Van điều khiển băng tay xả nồi nấu đường DN350	Cái	1	75,1
	Tổng			**4.154,5**
	II/ Nhà cửa vật kiến trúc			
1	Cải tạo sửa chữa đường vào nhà máy			395,6
2	Lắp khung mái che bã mía PX Động lực			138,8
	Tổng			**534,4**
	Tổng cộng			**4.688,9**

Các hạng mục đầu tư đều được phê duyệt, thẩm định, thực hiện đúng quy trình và đã đưa vào sử dụng có hiệu quả.

Công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị tương đối tốt, dây chuyền sản xuất khá ổn định.

2.3 Về công tác nguyên liệu

Tổng diện tích vụ đông xuân 2021-2022 là 2.251 ha, đạt 90% so với kế hoạch

Về năng suất : 70 tấn/ha tăng 7.7 % so với kế hoạch

Về sản lượng tăng 20% so với kế hoạch

Thu hồi nợ trong năm đạt : 99,88%

Vùng nguyên liệu của công ty còn dàn trải, do địa hình, địa lý nên khó đưa cơ giới hóa, khoa học kỹ thuật vào áp dụng. trình độ chuyên canh mía của nông dân còn nhiều hạn chế, chi phí phân bón tăng cao, thiếu nhân lực, sự cạnh tranh của việc chuyển đổi cây trồng khác cũng làm ảnh hưởng không nhỏ tới vùng nguyên liệu.

Công tác đốn chặt vận chuyển: NĐTC 2021-2022 lượng xe vận chuyển dồi dào với việc giao xe cho cán bộ địa bàn quản lý nên công tác đốn chặt, vận chuyển thực hiện tốt đáp ứng được kế hoạch sản xuất.

Về chính sách hỗ trợ: Công ty duy trì chính sách hỗ trợ cho phát triển vùng nguyên liệu mía như: cấp kinh phí cho một số xóm trong vùng nguyên liệu để tu sửa đường giao thông liên thôn, trợ giá mía giống có năng suất chất lượng cao cho người dân trồng mía, cho vay phân bón không tính lãi, hỗ trợ cho ban chỉ đạo trồng mía các xóm, xã…….

2.4 Công tác sản xuất chế biến, tiêu thụ đường

- Sản lượng đường sản xuất NĐTC 2021-2022 tăng 13% so với kế hoạch. Hiệu suất an toàn thiết bị đạt 98,5%, hiệu suất thu hồi đạt 84,5%, an toàn lao động 100%. Trong vụ vừa qua thời tiết không được thuận lợi mưa nhiều nên ảnh hưởng tới quá trình chế biến, tỷ lệ mía /đường bình quân 9,49; chất lượng đường thành phẩm tương đối ổn định.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm khả quan nên doanh thu tiêu thụ tăng lên so với kế hoạch. vì vậy vốn lưu động của công ty luôn được đảm bảo.

Lượng bã bùn, tro lò tiêu thụ hết, môi trường được đảm bảo.

Vật tư hóa chất tiêu hao dùng trong sản xuất đều nằm trong định mức.

2.5 Công tác nhân sự

- Thực hiện các chính sách lao động theo đúng luật định. Công tác định biên tuyển dụng kịp thời, giải quyết đầy đủ chế độ cho người lao động.Tuy nhiên ở một số vị trí nhân lực chất lượng cao vẫn bị thiếu.

2.6 Công tác khác

Công tác an toàn lao động, an ninh trật tự được thực hiện tốt, công tác phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp được thực hiện thường xuyên, Công tác bảo vệ xử lý môi trường thu gom rác thải trong năm vừa qua đạt yêu cầu. Duy trì thực hiện công tác phòng chống dịch covid.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thẩm định báo cáo tài chính NĐTC 2021-2022

- Báo cáo tài chính đã được trình bày đầy đủ, rõ ràng phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài chính của công ty. Công ty đã chấp hành đúng theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

- BKS thẩm định và thống nhất với các nội dung của báo cáo tài chính NĐTC 2021-2022 đã được công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán

2. Tình hình tài chính của công ty NĐTC 2021-2022:

TÀI SẢN		Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 30/06/2021	So sánh %
A-	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**166.682.159.057**	**106.747.086.394**	156
I.	***Tiền và các khoản tương đương tiền***	***47.509.979.861***	***63.298.896.318***	74
II.	***Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***	***30.000.000.000***		
III.	***Các khoản phải thu***	***18.912.733.005***	***19.054.624.775***	99
III	***Hàng tồn kho***	***70.259.446.191***	***24.393.565.301***	291
IV	***Tài sản ngắn hạn khác***			
B-	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**60.923.724.294**	**60.017.914.090**	101,5
I.	***Các khoản phải thu dài hạn***			
II.	***Tài sản cố định***	***44.573.856.318***	***49.247.222.599***	90
III.	***Bất động sản đầu tư***			
IV	***Tài sản dở dang dài hạn***	***10.409.250.419***	***5.671.085.765***	183
V	***Tài sản dài hạn khác***	***5.940.617.557***	***5.099.605.726***	116
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		**227.605.883.351**	**166.765.000.484**	**136**
A-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**64.261.194.248**	**48.556.123.167**	132
I.	***Vay và nợ ngắn hạn***	***64.261.194.248***	***48.556.123.167***	132

II	*Nợ dài hạn*	*0*	*0*	
B-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**163.344.689.103**	**118.208.877.317**	138
I.	*Vốn chủ sở hữu*	*163.309.689.103*	*118.173.877.317*	138
II.	*Nguồn kinh phí và quỹ khác*	*35.000.000*	*35.000.000*	100
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		**227.605.883.351**	**166.765.000.484**	**136**

Một số chỉ tiêu phân tích đánh giá tình hình tài chính của công ty

Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/07/2021
1-Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Cơ cấu tài sản		
-Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	73.2%	64%
-Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	26.8%	36%
1.2 Cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	28.2%	29%
- Nguồn VCSH/ Tổng nguồn vốn	71.8%	71%
2- Khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/NNH)	2.6	2,19
- Khả năng thanh toán tổng quát (TTS/NPH)	3.5	3,43
3. Tỷ suất sinh lời		
- Tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần	20.8%	23%

- Tỉ lệ nợ phải trả/ tổng nguồn vốn tại ngày 30/6/2022 là 28,2%, thấp hơn so với ngày 30/6/2021. Tỉ lệ nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 30/6/2022 tăng hơn so với ngày 30/6/2021. Khả năng tự chủ về tài chính tốt, lợi nhuận đảm bảo.

- Khả năng thanh toán trong ngắn hạn của doanh nghiệp tốt, tỷ suất lợi nhuận NĐTC 2021-2022 là 20,8%.

IV. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BTGĐ VÀ CỔ ĐÔNG

Mối quan hệ giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty được duy trì dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình điều hành.

Các thành viên BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động SXKD của công ty, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc; được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của công ty. Để từ đó BKS nắm bắt được các thông tin, tình hình hoạt động

của công ty cũng như trao đổi tham gia cùng HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản trị điều hành.

Đối với cổ đông: BKS tiếp thu ý kiến đóng góp của cổ đông. Trong NĐTC 2021-2022 BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đối với vùng nguyên liệu, đề nghị tiếp tục duy trì chính sách thu mua, đầu tư hỗ trợ phù hợp, ưu tiên thâm canh các giống mía mới, phân bón phù hợp, áp dụng cơ giới hóa để tăng năng suất chất lượng mía, tăng thu nhập cho các hộ nông dân.

2. Cải tạo, thay thế các thiết bị tự động hóa, bán tự động để nâng cao chất lượng sản phẩm có tính cạnh tranh. Kiểm soát tốt các công đoạn trong sản xuất theo chỉ tiêu KTKT, sử dụng các vật tư, hóa chất tiêu hao đúng định mức tiết kiệm chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

3. Phát triển nhiều kênh phân phối nhằm nắm giữ thị phần tiêu thụ sản phẩm

4. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp lao động, tuyển dụng và đào tạo lao động có chất lượng cao, nâng cao trình độ tay nghề nhất là đối với lao động kỹ thuật, bố trí nhân lực hợp lý để tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả SXKD.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VỤ 2022-2023

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Điều lệ công ty. BKS công ty CP mía đường Cao Bằng dự kiến kế hoạch hoạt động trong NĐTC 2022-2023 như sau:

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh NĐTC 2022-2023.

- Kiểm tra giám sát các khoản định mức tiêu hao và các chi phí sản xuất để SXKD đạt hiệu quả.

- Kiểm tra tính tuân thủ và tình hình quản lý tài chính của công ty.

- Thẩm định BCTC năm của công ty.

- Các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của BKS quy định trong Điều lệ của Công ty.

Trên đây là những nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty CP mía đường Cao Bằng kết thúc 30/6/2022. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Hoàng Thị Quyết

CÔNG TY CỔ PHẦN **MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 510/2022/TTr - HĐQT	*Cao Bằng, ngày 6 tháng 10 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

***Kính trình*:** **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 công ty xem xét thông qua nội dung sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong niên độ tài chính 2021-2022; Kế hoạch hoạt động trong niên độ tài chính 2022-2023.
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát niên độ tài chính 2021-2022; Phương hướng hoạt động trong niên độ tài chính 2022-2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Cổ đông CBS;
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 4800104012-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG * H. QUẢNG HÒA - T. CAO BẰNG

Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Số: 511/2022/TTr - HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 6 tháng 10 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ 2021 - 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2022 - 2023

Kính trình: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.*

HIội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh niên độ tài chính 2021- 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch NĐTC 2021-2022	Thực hiện NĐTC 2021-2022	TH/KH (%)
1	Sản lượng mía nguyên liệu	Tấn	134,648	161,694	120.09
2	Sản lượng đường sản xuất hoàn thành	Tấn	14,961	17,036	113.87
3	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	15,150	13,732	90.64
4	Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	Tấn	5,610	7,331	130.68
5	Sản lượng bã bùn tiêu thụ	Tấn	3,366	5,467	162.42
6	Tổng doanh thu	Tr. đồng	217,757	240,578	110.48
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	26,683	62,460	234.08
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	21,346	49,939	233.95
9	Tỷ lệ chia cổ tức	Tr. đồng	20	80	400.00

2. Kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2022 - 2023:

Từ những thuận lợi và khó khăn đã nêu tại báo cáo của HĐQT, Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt kế hoạch kinh doanh niên độ 2022– 2023 với một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2021 - 2022	Kế hoạch NĐTC 2022 - 2023	KH/TH (%)
1	Sản lượng mía nguyên liệu	Tấn	161,694	146,000	90.29
2	Sản lượng đường sản xuất hoàn thành	Tấn	17,036	15,368	90.21
3	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	13,732	15,500	112.87
4	Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	Tấn	7,331	5,800	79.11
5	Sản lượng bã bùn tiêu thụ	Tấn	5,467	3,600	65.85
6	Tổng doanh thu	Tr. đồng	240,578	256,310	106.54
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	62,460	37,177	59.52
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	49,939	29,741	59.55
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%	80	20	25

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Cổ đông của CBS
- Lưu Vt.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 4800104312 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
H. QUẢNG HÒA - T. CAO BẰNG

Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 512/2022/TTr-HĐQT	*Cao Bằng, ngày 6 tháng 10 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm tài chính 2021 - 2022

***Kính trình*:** **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.*

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán có đủ điều kiện kiểm toán theo công bố của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ tài chính 2021-2022 của Công ty. Ngày 14/06/2022 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng đã ban hành Nghị quyết số 374/NQ-HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2021 - 2022. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm tài chính 2021 - 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (Báo cáo kiểm toán độc lập số 051/2022/BCKT-PB.00024 ngày 12/09/2022)

Kính trình Đại hội hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 chấp thuận thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Cổ đông CBS
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Nông Văn Thuyết

Tóm tắt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính: Từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 30/06/2022

(kèm theo tờ trình số 512/2022/TTr-HĐQT-MĐ ngày 6 tháng 10 năm 2022)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao bằng nhiệm kỳ 2020 - 2025 báo cáo tóm tắt tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính: Từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 30/06/2022 đã được kiểm toán để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

I/ VỐN ĐIỀU LỆ:

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2022 : 35.279.250.000 VND

Gồm:

Số TT	Cổ đông	Vốn góp			Chiếm tỷ lệ %
		Số cổ phần	M.giá 1 CP (đ)	Giá trị vốn góp (đồng)	
1	Cổ đông là cá nhân	3.381.925	10.000	33.819.250.000	95,86
2	Cổ đông là tổ chức	146.000	10.000	1.460.000.000	4,14
Cộng		**3.527.925**		**35.279.250.000**	**100**

II/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN KIỂM SOÁT; BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1- Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
1. Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/04/2021
2. Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/04/2021; từ ngày 01/04/2021 là TV HĐQT
3. Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/10/2020
4. Ông Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/10/2020
5. Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/10/2020

2- Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
1. Bà Hoàng Thị Quyết	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/10/2020
2. Ông Trương Minh Đức	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/10/2020
3. Ông Đinh Bế Đính	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/10/2020

3- Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
1. Ông Ma Trung Lập	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020
2. Ông Nông Thị Nậu	Phó tổng giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020
3. Ông Nông Văn Sơn	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2022
4. Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2006

III/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN. Từ 01/07/2021 đến hết ngày 30/06/2022.

1- Kết quả sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Niên độ 2021-2022 (Từ 01/7/2021 ->30/6/2022)	Niên độ 2020-2021 (Từ 01/7/2020 ->30/6/2021)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**240,578,012,051**	**243,753,082,000**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	111,008,809	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**240,467,003,242**	**243,753,082,000**
4. Giá vốn hàng bán	169,388,635,314	180,405,459,893
5. Lợi nhận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**71,078,367,928**	**63,347,622,107**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	766,625,837	614,116,556
7. Chi phí tài chính	1,165,440,735	3,201,411,818
8. Chi phí bán hàng	1,185,819,306	1,190,046,363
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,492,370,189	5,539,922,049
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**63,001,363,535**	**54,030,358,433**
11. Thu nhập khác	13,607,506,372	12,357,043,317
12. Chi phí khác	14,148,695,971	9,424,029,050
13. Lợi nhuận khác	**(541,189,599)**	**2,933,014,267**
14. Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	**62,460,173,936**	**56,963,372,700**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	12,521,211,587	510,382,585
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**49,938,962,349**	**56,452,990,115**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	14,155	16,002

2- Tài sản, nguồn vốn (Bảng cân đối kế toán):

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/07/2021
TÀI SẢN		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**166,682,159,057**	**106,747,086,394**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	***47,509,979,861***	***63,298,896,318***
1. Tiền	47,509,979,861	63,298,896,318

2. Các khoản tương đương tiền	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**30,000,000,000**	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30,000,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	***18,912,733,005***	***19,054,624,775***
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	14,653,064,841	9,980,690,901
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	2,026,713,346	7,188,480,606
3. Phải thu ngắn hạn khác	1,952,140,193	1,623,500,583
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(103,818,060)	(122,680,000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	384,632,685	384,632,685
IV. Hàng tồn kho	***70,259,446,191***	***24,393,565,301***
1. Thành phẩm tồn kho	65,599,278,601	20,285,356,325
2. Hàng hóa tồn kho	60,487,490	414,918,172
3. Nguyên vật liệu, công cụ đồ dùng tồn kho	4,528,754,539	3,369,737,074
4. Chi phí sản xuất dở dang	70,925,561	323,553,730
V. Tài sản ngắn hạn khác	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**60,923,724,294**	**60,017,914,090**
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II. Tài sản cố định	***44,573,856,318***	***49,247,222,599***
1. Tài sản cố định hữu hình	43,376,771,296	47,997,374,145
- Nguyên giá	*240,538,929,607*	*244,215,197,197*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*(197,162,158,311)*	*(196,217,823,052)*
2. Tài sản cố định vô hình	1,197,085,022	1,249,848,454
- Nguyên giá	*1,842,128,434*	*1,842,128,434*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*(645,043,412)*	*(592,279,980)*
III. Bất động sản đầu tư	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	***10,409,250,419***	***5,671,085,765***
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10,409,250,419	5,671,085,765
V. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	***5,940,617,557***	***5,099,605,726***
1. Chi phí trả trước dài hạn	5,940,617,557	5,099,605,726
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**227,605,883,351**	**166,765,000,484**
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	**64,261,194,248**	**48,556,123,167**
I. Nợ ngắn hạn	***64,261,194,248***	***48,556,123,167***
1. Phải trả người bán ngắn hạn	4,366,908,723	157,795,046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31,245,995,603	6,736,187,603

3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14,014,752,826	3,166,543,930
4. Phải trả người lao động	1,666,634,968	1,437,861,741
5. Chi phí trả trước ngắn hạn	144,000,000	219,000,000
6. Phải trả ngắn hạn khác	2,349,771,796	1,685,868,778
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6,437,168,000	33,937,168,000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	2,700,000,000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,335,962,332	1,215,698,069
II. Nợ dài hạn	-	-
1. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**163,344,689,103**	**118,208,877,317**
I. Vốn chủ sở hữu	***163,309,689,103***	***118,173,877,317***
1. Vốn góp của chủ sở hữu	35,279,250,000	35,279,250,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	66,894,768,803	66,894,768,803
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	61,135,670,300	15,999,858,514
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	*11,196,707,951*	*(40,453,131,813)*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*49,938,962,349*	*56,452,990,327*
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	***35,000,000***	***35,000,000***
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**227,605,883,351**	**166,765,000,484**

** Ghi chú: Số để trong dấu ( ) là ghi số âm (-)*

Trên đây là bản tóm tắt Báo cáo tài chính niên độ 2021-2022 (kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 30/06/2022) của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng đã được kiểm toán (Bản báo cáo tài chính đầy đủ đã được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ truy cập: Http://www.miaduongcaobang.vn).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- Cổ đông CBS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 513 /2022/TTr - HĐQT	*Cao Bằng, ngày 6 tháng 10 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Về việc: Phân phối lợi nhuận niên độ 2021 - 2022
và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2022 - 2023

***Kính trình*:** **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính niên độ 2021 - 2022 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt nam.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

I. Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức cho niên độ 2021 - 2022 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		**62,460,173,936**
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		**12,521,211,587**
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN		**49,938,962,349**
4. Phân phối lợi nhuận		**23,019,367,530**
4.1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5%/LNST	2,496,948,117
4.2. Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	6%/LNST	2,996,337,741
4.3. Quỹ thưởng Ban điều hành quản lý công ty	1%/LNST	499,389,623
4.4. Lợi nhuận để chia cổ tức		17,026,692,049
5. Lợi nhuận chưa phân phối		**26,919,594,819**

II. Chia cổ tức niên độ 2021 - 2022

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức NĐTC 2021-2022 như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận chia cổ tức:	80%/VĐL	**28,223,400,000**
1.1. Lợi nhuận năm TC 2020-2021 chuyển sang		11,196,707,951
1.2. Lợi nhuận năm TC 2021-2022		17,026,692,049
2. Hình thức chia cổ tức:		**28,223,400,000**
2.1. Bằng tiền mặt	30%/VĐL	10,583,775,000
2.2. Bằng cổ phiếu	50%/VĐL	17,639,625,000

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và quyết định:

1. Thời điểm chia cổ tức;
2. Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

III. Kế hoạch phân phối lợi nhuận trong năm tài chính 2022-2023.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2022 - 2023 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng, HĐQT đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2022 – 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		**37,176,982,000**
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	20%/LNTT	**7,435,396,000**
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN		**29,741,586,000**
4. Phân phối lợi nhuận		**14,152,765,320**
4.1. Quỹ đầu tư phát triển		
4.2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5%/LNST	1,487,079,300
4.3. Quỹ đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	6%/LNST	1,784,495,160

4.4. Quỹ thưởng ban điều hành quản lý công ty	1%/LNST	297,415,860
4.5. Lợi nhuận chia cổ tức	20%/VĐL	10,583,775,000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Cổ đông của CBS;
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
Số: 514/2022/TTr-HĐQT	*Cao Bằng, ngày 6 tháng 10 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua thù lao HĐQT, BKS niên độ 2021 – 2022 và kế hoạch thù lao niên độ 2022 - 2023

Kính trình: **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;*
- *Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;*
- *Căn cứ Quy chế phân phối tiền lương vụ ép 2021 - 2022 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính niên độ 2021 - 2022 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.*

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng báo cáo tình hình thực hiện chi trả thù lao thực tế cho hoạt động của HĐQT, BKS từ tháng 07/2021 đến hết tháng 06/2022 như sau:

1- Thù lao cho HĐQT, BKS:

Các thành viên của HĐQT và BKS điều kiêm nhiệm các chức danh quản lý Công ty, vì vậy thù lao được hưởng bao gồm tiền lương theo chức danh quản lý và phụ cấp HĐQT và BKS.

1.1. Căn cứ tính:

- Đối với tiền lương theo chức danh quản lý của HĐQT; BKS: Được quy định chung theo quy chế phân phối tiền lương vụ ép 2021 - 2022 của Công ty.
- Đối với phụ cấp HĐQT và BKS: Được tính theo hệ số phụ cấp đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 nhất trí thông qua. Cụ thể:

  + Hội đồng quản trị: Chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 9,5/ tháng.
  Phó chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,35/ tháng.
  ủy viên thường trực HĐQT hệ số PC là 1,25/ tháng.
  ủy viên HĐQT hệ số phụ cấp là 1,15/ tháng/người.

  + Ban kiểm soát: Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng.
  ủy viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6/ tháng/ người.

- Mức tiền lương tối thiểu của Công ty áp dụng là: 1.600.000 đồng.

1.2. Thù lao chi trả thực tế cho HĐQT, BKS:

Thù lao chi trả cho HĐQT:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Chức danh quản lý	Thù lao HĐQT	
				Tiền lương theo chức danh	Phụ cấp HĐQT
1	Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT		185,652,000	
2	Ma Trung Lập	Phó CT HĐQT	Tổng giám đốc	166,786,000	25,920,000
3	Nông Văn Lạc	Thành viên HĐQT		-	22,080,000
4	Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT	Phó TGĐ từ T4/2022	79,772,000	24,000,000
5	Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT	Kế toán trưởng	130,788,000	22,080,000
Tổng cộng				**562,998,000**	**94,080,000**

Thù lao chi trả cho BKS:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Chức danh quản lý	Thù lao HĐQT	
				Tiền lương theo chức danh	Phụ cấp HĐQT
1	Hoàng Thị Quyết	Trưởng BKS		128,540,000	
2	Trương Minh Đức	Thành viên BKS	QĐ PX Động Lực	126,955,000	11,520,000
3	Đinh Bế Đính	Thành viên BKS	QĐ PX Cán Ép	124,443,000	11,520,000
Tổng cộng				**379,938,000**	**23,040,000**

Tổng chi phí tiền lương, phụ cấp Công ty đã chi trả cho các thành viên của HĐQT và BKS trong kỳ hoạt động từ tháng 07/2021 đến hết tháng 06/2022 là 1.060.056.000 đồng.

2- Chi phí khác:

Do các thành viên của HĐQT và BKS đều kiêm nhiệm các chức danh quản lý điều hành Công ty, vì vậy các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của HĐQT và BKS cũng là chi phí quản lý điều hành chung của các chức danh quản lý Công ty.

3 - Kế hoạch chi trả thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT, BKS trong năm TC 2022-2023 (từ tháng 7/2022 đến hết tháng 6/2023).

3.1. Tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS có kiêm nhiệm chức danh quản lý Công ty, Ban tổng giám đốc Công ty được chi trả theo Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng vụ ép 2022 - 2023 của Công ty.

3.2. Tiền phụ cấp cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS được chi trả theo hệ số phụ cấp:

- Đối với thành viên HĐQT: Chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 9.66/ tháng.
  Phó chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,485/ tháng.
  Thường trực HĐQT hệ số phụ cấp là 1,375/ tháng.
  Thành viên khác HĐQT hệ số hụ cấp là 1,265/ người/ tháng.
- Đối với thành viên BKS: Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,6/ tháng.
  Thành viên BKS hệ số phụ cấp là 0,66/ người/ tháng.

Mức tiền lương tối thiểu làm căn cứ tính phụ cấp: Theo mức tiền lương tối thiểu Công ty áp dụng để tính lương cho vụ ép 2022 - 2023.

3.3. Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT và BKS khi thực hiện chức năng nhiệm vụ được chi trả theo thực tế.

3 - Đại hội đồng cổ đông năm 2022 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng, xây dựng quy chế trả thưởng cho các thành viên ban điều hành quản lý công ty đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và chấp thuận thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 4800104812-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
H. QUẢNG HÒA T. CAO BẰNG

Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 515 /2022/TTr - HĐQT	*Cao Bằng, ngày 6 tháng 10 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Về việc: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ tài chính 2022 - 2023

***Kính trình*:** **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;*
- *Căn cứ yêu cầu lựa chọn Công ty kiểm toán.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một Công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán theo công bố của Uỷ ban chứng khoán Nhà nước, để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2022 – 2023 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Cổ đông CBS
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 4800104... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG H. QUẢNG HÒA T. CAO BẰNG

Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 516 /2022/TTr - HĐQT	*Cao Bằng, ngày 6 tháng 10 năm 2022*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng là Ông Nông Văn Sơn nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;*
- *Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022, trong đó sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;*
- *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng*
- *Căn cứ văn bản đề nghị của ông Nông Văn Sơn ngày 28/09/2022 về việc đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai cổ phiếu Công ty (Mã CK: CBS).*

Căn cứ quy định tại **Điểm b Khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14**: Tổ chức, cá nhân và người có liên quan nắm giữ từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng dự kiến mua tiếp dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành, được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì không phải chào mua công khai.Trong trường hợp này, Đại hội đồng cổ đông phải xác định rõ đối tượng chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng;

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua việc cổ đông hiện hữu là ông Nông Văn Sơn nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến sở hữu đạt hoặc vượt mức quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai, cụ thể như sau:

1. **Số lượng cổ phiếu của ông Nông Văn Sơn và người có liên quan nắm giữ trước khi chuyển nhượng:**

STT	Họ và tên cổ đông	Số DKSH	Chức vụ/ Mối quan hệ với bên dự kiện nhận chuyển nhượng	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ trên SLCP đang lưu hành
1	Nông Văn Sơn	004096000011	Bên nhận chuyển nhượng	832.200	23,59%
2	Nông Văn Lạc	080385530	Bố	801.419	22,72%
3	Nông Thị Hoa	080023525	Mẹ	21.949	0,62%
4	Nông Thị Thu Hà	080479593	Chị gái	19.132	0,54%
Tổng cộng				**1.674.700**	**47,47%**

2. **Bên dự kiến nhận chuyển nhượng cổ phiếu**

STT	Họ và tên bên nhận chuyển nhượng	SL CP dự kiến mua thêm (dự kiến)	Tỷ lệ trên SLCP đang lưu hành	Tỷ lệ nắm giữ sau khi mua thêm
1	Nông Văn Sơn	786.319	22,29%	45,88%
Tổng cộng		**786.319**	**22,29%**	**45,88%**

3. **Bên chuyển nhượng cổ phiếu:**

STT	Họ và tên cổ đông	Số DKSH	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nông Văn Lạc	080385530	801.419	22,72%
Tổng cộng			**801.419**	**22,72%**

4. **Phương án chuyển nhượng cổ phiếu:**

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ của riêng ông Nông Văn Sơn sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng: Dự kiến sở hữu 45,88% trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty. Số lượng cổ phiếu nắm giữ của ông Nông Văn Sơn và người có liên quan sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng: Dự kiến sở hữu 47,47% trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty.

- Thời gian thực hiện: Việc nhận chuyển nhượng cổ phiếu CBS mà không cần chào mua công khai được thực hiện từ ngày Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực cho đến khi ông Nông Văn Sơn hoàn thành việc nhận chuyển nhượng cổ phiếu đạt tỷ lệ như đã nêu trên.
- Phương án nhận chuyển nhượng: Thỏa thuận nhận chuyển nhượng theo quy định Pháp luật.
- Trong trường hợp Công ty chào bán/phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu của ông Nông Văn Sơn và người có liên quan nêu trên được tính dựa trên vốn điều lệ mới sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán/phát hành cổ phiếu.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:
- Cổ đông CTCP Mía đường Cao Bằng;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 4800104212-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
H.QUẢNG HÒA-T.CAO BẰNG

CHỦ TỊCH HĐQT
Nông Văn Thuyết